

Số/No: 166 /22/S3-TCKT

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 04 năm 2022.
Da Nang, 19th April 2022.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
INFORMATION DISCLOSURE PERIODIC

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange;*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *HoChiMinh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/ *Organization name:* Công ty Cổ phần Sông Ba/ *Song Ba Joint Stock Company.*

- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol:* **SBA**
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* 573 Núi Thành – Q. Hải Châu – TP. Đà Nẵng/ *573 Nui Thanh, Hai Chau District, Da Nang City.*
- Điện thoại/ *Telephone* : 0236.3653592 – 0236.2215592;
- Fax : 0236.3653593
- Email : sba2007@songba.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Sông Ba/ *Annual Report 2021 of Song Ba Joint Stock Company.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2022 tại đường dẫn/ *This information was published on the company's website on 19/04/2022, as in the link:* <https://songba.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Trân trọng/ *Yours truly.*

Nơi nhận/Recipient

- Như trên/As above
- TCHC/Administrative Department;
- Lưu: TC-KT, VTh/Save: Financial Accounting department; Documentary department.

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Sông Ba.
- *Annual Report 2021 of Song Ba Joint Stock Company.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*



ĐINH CHÂU HIỆU THIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Đà Nẵng, tháng 04/2022

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa quý cổ đông, nhà đầu tư và các đối tác của Công ty Cổ phần Sông Ba

Lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Ba (SBA), tôi xin gửi lời chúc sức khỏe và lời cảm ơn chân thành nhất đến quý cổ đông, nhà đầu tư cùng đối tác đã tin tưởng vào đội ngũ lãnh đạo, nhân viên trong Công ty.

Năm 2021, sự kéo dài của đại dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng sâu rộng đến mọi hoạt động của Công ty. Công tác vận hành 02 nhà máy thủy điện Krông H' năng, Khe Diên gặp nhiều khó khăn do hệ thống ưu tiên huy động các nguồn năng lượng điện gió và mặt trời. Trong 9 tháng đầu năm, nắng nóng khô hạn kéo dài nên sản lượng phát của các nhà máy chỉ đạt 56,5% kế hoạch năm. Bước sang các tháng cuối năm thì tình hình thủy văn tốt hơn khi mưa, lũ liên tiếp diễn ra. Bên cạnh những khó khăn, Công ty có những thuận lợi: Đội ngũ cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo có chuyên môn, kinh nghiệm, tâm huyết và tinh thần trách nhiệm. Sự quan tâm, chỉ đạo của HĐQT và sự giúp đỡ của các cơ quan quản lý nhà nước ở các tỉnh Đắk Lắk, Phú Yên, Quảng Nam, của các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Với tinh thần vượt khó, khắc phục khó khăn, phát huy những thuận lợi, Công ty đã linh hoạt trong vận hành các nhà máy và có nhiều giải pháp sáng tạo, quyết liệt trong quản lý điều hành nên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty.

Tổng doanh thu của SBA năm 2021 đạt 314,88 tỷ đồng, tăng 5,59% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, đạt 117,16 tỷ đồng, tăng 15,01% so với năm trước và vượt 39,31% so với kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Công ty luôn đẩy mạnh các công tác nghiên cứu, cải tiến, hợp lý hóa cũng như thực hiện nhiều giải pháp tài chính linh hoạt nhằm đáp ứng tốt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của SBA. Năm 2021, Công ty có 08 giải pháp hợp lý hóa sản xuất được công nhận và đã được áp dụng, mang lại hiệu quả chung cho hoạt động của Công ty.

Trong năm vừa qua, Công ty cũng đã được tặng Bằng khen của UBND Thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Quảng Nam, Bộ Công Thương, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Sông Ba vinh dự được Chứng nhận Doanh nghiệp bền vững của VCCI năm 2021. Có được những kết quả như trên là nhờ sự chỉ đạo, điều hành hợp lý của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên.

Tình hình khí hậu hiện nay đang ngày càng biến đổi phức tạp, ngành thủy điện nói chung và SBA nói riêng sẽ còn phải tiếp tục đối mặt với những thách thức, khó khăn. Tuy nhiên, với những cố gắng không ngừng để nâng cao năng lực chuyên môn và khát vọng cống hiến to lớn của tập thể cán bộ công nhân viên, SBA kỳ vọng tạo ra những bước đột phá ấn tượng hơn nữa trong tương lai.

Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên SBA luôn nhận được sự quan tâm theo dõi, góp ý xây dựng của các quý cổ đông, của các cơ quan quản lý và lãnh đạo các địa phương. Đây là nguồn động viên quý báu, giúp cho lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình để không ngừng nỗ lực đưa Công ty ngày càng phát triển, xứng đáng với niềm tin tưởng, sự kỳ vọng của quý cổ đông và các đối tác.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến quý cổ đông cùng toàn thể cán bộ công nhân viên. Chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm ủng hộ của quý vị để tạo dựng một Công ty Cổ phần Sông Ba phát triển vững mạnh.

Xin trân trọng cảm ơn,

CHỦ TỊCH HĐQT

Thái Hồng Quân



MỤC LỤC

06

THÔNG TIN CHUNG

28

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

48

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

62

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

68

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

76

QUẢN TRỊ CÔNG TY

90

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG



- 08 Thông tin khái quát
- 14 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 20 Định hướng phát triển
- 24 Các rủi ro

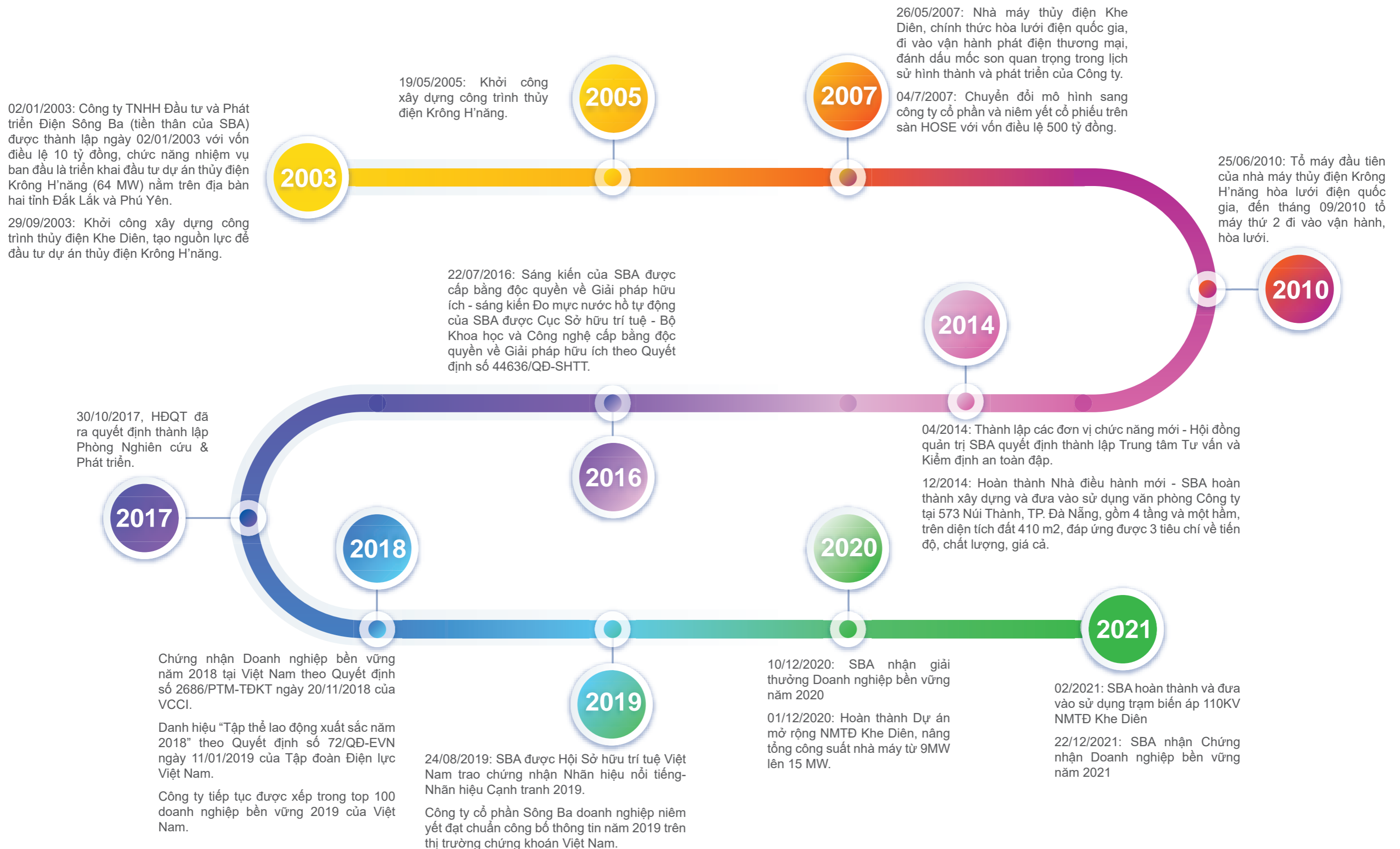
THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sông Ba
Giấy chứng nhận ĐKDN	0400439955, đăng ký lần đầu ngày 4/07/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ,thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01/07/2021
Vốn điều lệ	604.882.610.000 đồng tại ngày 31/12/2021
Địa chỉ	573 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại	(0236) 3653 592 - (0236) 3653 596
Fax	(0236) 3653 593
Email	sba2007@songba.vn
Website	www.songba.vn
Mã cổ phiếu	SBA



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

Trong năm 2021, Công ty có 04 tập thể và 30 cá nhân được khen thưởng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; 03 tập thể và 46 cá nhân được khen thưởng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và đã công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2021 cho 09 cá nhân.

Năm 2021, Công ty được tặng Bằng khen của: UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Quảng Nam, Bộ Công Thương, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp và Chứng nhận Doanh nghiệp bền vững của VCCI; 01 cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ Công Thương; 02 cá nhân được tặng Bằng khen của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp; 02 tập thể và 03 cá nhân được EVNCPD tặng Giấy khen.



Bằng khen của Bộ Công thương năm 2021



Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng năm 2021



Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp năm 2021



Chứng nhận Doanh nghiệp Bền vững 2021 từ VCCI

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

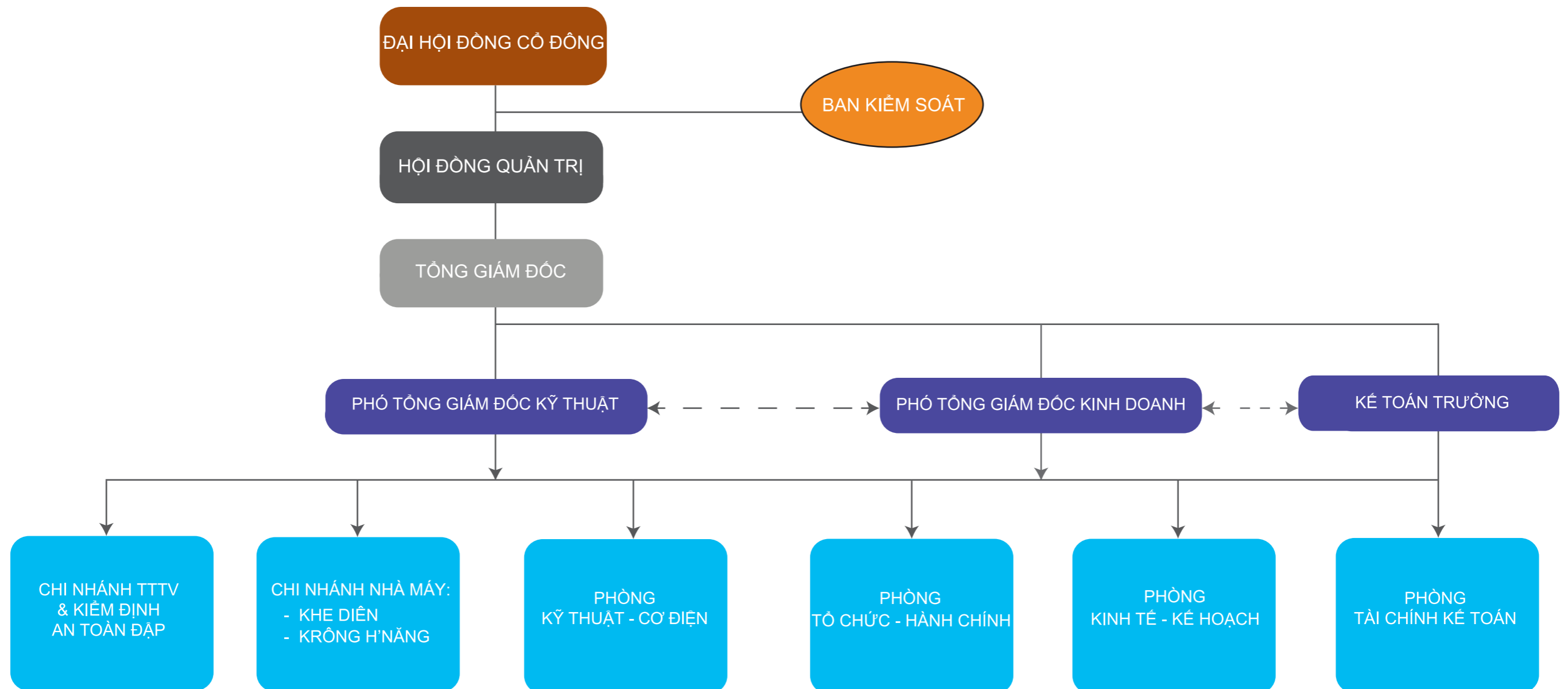
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- **Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.** Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- **Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.** Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn); Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình;
- **Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.** Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ; Hoạt động chuyên dụng khác
- **Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;**
- **Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.** Chi tiết: Khai thác khoáng sản;
- **Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.** Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- **Giáo dục nghề nghiệp.** Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- **Hoạt động tư vấn quản lý.** Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- **Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.** Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.** Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;
- **Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.** Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí, phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyển giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;
- **Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.** Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

SBA chủ yếu triển khai và hoạt động tại khu vực miền Trung: **Quảng Nam, Đắk Lắk, Phú Yên, Đà Nẵng.**

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY

Chi nhánh: Nhà máy thủy điện Khe Diên



Địa chỉ: Xã Phước Ninh, Huyện Nông Sơn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

Chi nhánh: Trung tâm tư vấn và kiểm định an toàn đập



Địa chỉ: 573 Núi Thành (tầng 3), Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110kV. Tư vấn, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110kV. Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện.
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư

Chi nhánh: Nhà máy thủy điện Krông H' năng



Địa chỉ: Thôn 2/4, Xã Ealy, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Đảm bảo sự vận hành an toàn, ổn định các nhà máy thủy điện hiện có, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện theo kế hoạch đề ra; Luôn sẵn sàng ứng phó phòng chống lụt bão tại các Nhà máy khi có mưa, lũ.

Hoạt động tư vấn

- Tiếp tục nghiên cứu và phát triển dịch vụ tư vấn, tận dụng tối đa nguồn nhân lực chất lượng hiện có để mang lại hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng đã ký với các Chủ đầu tư: Tư vấn thiết kế, quản lý dự án các dự án thủy điện, giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

Quan hệ với khách hàng

Yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của SBA là Khách hàng. Vì vậy, mọi hoạt động của SBA luôn hướng đến mục tiêu đôi bên cùng có lợi và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Quan hệ với cổ đông

Mục tiêu của SBA là hợp lý hóa giá trị cổ tức, nhằm đem lại lợi ích lâu dài cho cổ đông. Vì vậy, SBA cam kết mọi hoạt động của Công ty đều đảm bảo quyền lợi và giá trị tương lai cho cổ đông. SBA luôn minh bạch trong quản lý, điều hành, giải đáp trung thực những ý kiến của cổ đông, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

Quan hệ với đối tác

- Khi tiếp xúc làm việc với đối tác ở cả trong và ngoài nước, SBA luôn coi đối tác như những người đồng hành, quan hệ thân thiện, bình đẳng, hài hòa lợi ích để cùng nhau phát triển, CBNV SBA khẳng định vai trò, vị trí của Công ty mình thông qua cách làm việc chuyên nghiệp, giữ đúng giờ, đúng hẹn, tuân thủ pháp luật.
- Khi giải quyết công việc, SBA cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở trí tuệ, công nghệ tiên tiến, sản phẩm chất lượng.

Quan hệ với người lao động

- SBA tạo môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch, đẹp, đảm bảo việc làm ổn định, NLD được quan tâm cả đời sống vật chất lẫn tinh thần.
- Chính sách lương thưởng hợp lý để thu hút nguồn nhân lực chất lượng, lộ trình thăng tiến rõ ràng, công bằng, minh bạch. Khuyến khích NLD đóng góp ý kiến, đề cao các ý tưởng sáng tạo, áp dụng các sáng kiến để giúp công ty ngày một phát triển bền vững.

CÁC CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Đối với NMTĐ Khe Diên và Krông H'nh

Khai thác hiệu quả nguồn nước; vận hành an toàn công trình, thiết bị; Đồng thời giảm thiểu tối đa các chi phí sản xuất, mang lại doanh thu tốt.

Dự án thủy điện Krông H'nh 2

Duy trì chứng nhận đầu tư; tiếp tục hoàn thiện công tác điều chỉnh thiết kế và chuẩn bị các thủ tục đầu tư để sẵn sàng đầu tư trong thời gian đến.

Phát triển dịch vụ. Phát triển theo chiều sâu, tạo sự khác biệt, tập trung trong các lĩnh vực sau:

- + *Liên quan nguồn nước:* Quan trắc, tính toán vận hành điều tiết nước; vận hành xả lũ đơn hồ, liên hồ chứa, đảm bảo tích nước đầy hồ sẵn sàng phát điện và tích nước cho mùa cạn năm sau, đảm bảo việc vận hành an toàn, xả lũ hợp lý hồ chứa, an toàn cho người dân và hạ du.
- + *Liên quan nhà máy thủy điện:* Kiểm định đập; tự động hóa trong công tác quan trắc, vận hành công trình hồ đập; tự động hóa công tác vận hành thiết bị nhà máy; nội địa hóa thiết bị.
- + *Đào tạo chuyên sâu cho lực lượng vận hành các NMTĐ, vận hành thị trường điện, thi công lắp đặt thiết bị thủy điện, tổ chức giám sát thi công xây dựng và lắp máy công trình thủy lợi, thủy điện.*

Tính toán khai thác tối ưu hồ chứa nhằm đạt sản lượng cao nhất

Khai thác thêm trong diện tích các hồ chứa thủy điện Krông H'nh, Khe Diên: Điện mặt trời lắp trên mặt hồ; nuôi cá kết hợp du lịch sinh thái.

Nguồn nhân lực

NLD luôn tự hào về Công ty, về văn hóa Công ty, tự hào về công việc mình làm; gắn bó và cống hiến cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Tăng cường các hoạt động nghiên cứu

- + *Nghiên cứu thị trường điện nhằm đưa ra các định hướng, chiến lược phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khác.*
- + *Nghiên cứu, chuẩn bị thủ tục sẵn sàng cho việc đầu tư xây dựng các dự án mới, trong đó tập trung vào các dự án năng lượng tái tạo như điện gió và điện mặt trời trên khu vực lân cận nhà máy thủy điện Krông H'nh.*

Quan hệ với cổ đông

Tăng trưởng giá trị cổ phiếu bằng thực lực. Mang lại cổ tức tốt cho cổ đông, đạt trên 10%/năm, chi trả bằng tiền, mã cổ phiếu SBA thanh khoản tốt.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - KHẨU HIỆU - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

SBA luôn hướng đến phát triển bền vững, hướng đến một công ty uy tín về đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án nguồn điện, các dịch vụ tư vấn về vận hành đơn hồ, liên hồ, công tác môi trường liên quan đến thủy điện.

Sứ mệnh

Mang lại lợi ích hài hòa cho khách hàng, cho cổ đông và cho NLD phù hợp với lợi ích cộng đồng thông qua các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh hiệu quả của công ty.

Trở thành công ty cung cấp dịch vụ điều tiết lũ quốc gia.

SBA nỗ lực đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về điện năng và các dịch vụ liên quan khác, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước.

Khẩu hiệu:

"Tư duy sáng tạo,
Công ty phát triển"

Giá trị cốt lõi

Lợi ích công ty hòa hợp với lợi ích cộng đồng.

Luôn tự học hỏi, tự nghiên cứu thực hiện công việc là đề cao sự sáng tạo, hiệu quả công việc, luôn biết rút kinh nghiệm, đưa kinh nghiệm đó trở lại sản xuất.

Chất lượng của đội ngũ SBA không chỉ xuất phát từ khâu tuyển dụng.

Tự vận hành và vận hành có kiểm soát, đảm bảo chất lượng, tín nhiệm.

Văn hóa SBA: Trách nhiệm, hợp tác trong công việc; truyền thống, đoàn kết, dân chủ, kỷ luật, kỷ cương, nhân ái.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Kinh tế thế giới trong năm 2021 tiếp tục diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi do tình hình dịch Covid – 19 kéo dài. Tình hình kinh tế Việt Nam cũng tiếp tục bị ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 2,58% so với năm 2020. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Trong bối cảnh dịch Covid - 19 kéo dài, đặc biệt là trong quý III/2021, biến thể Delta đã tiếp tục gây ra một cú sốc lớn cho nền kinh tế Việt Nam. Nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Vượt lên nhiều khó khăn, mức tăng trưởng dương năm 2021 đã là một thành công lớn đối với nền kinh tế Việt Nam.

Năm 2021, toàn ngành công nghiệp tiếp tục khởi sắc, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2021 tăng 4,82% so với năm 2020. Đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế cả nước tăng trưởng trong năm 2022. Riêng ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm. Tình hình sản xuất và cung ứng điện toàn hệ thống trong năm 2021 thực hiện tốt, các đơn vị trong ngành điện cũng đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế xã hội cũng như sinh hoạt của nhân dân; đặc biệt cung cấp điện an toàn, ổn định cho các bệnh viện dã chiến, cơ sở cách ly, khám chữa bệnh, điều trị bệnh nhân nhiễm và nghi nhiễm Covid-19.

Công ty Cổ phần Sông Ba đang hoạt động trong nền kinh tế chung, việc sử dụng điện – nguồn năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động sản xuất, vận hành trong nền kinh tế gắn liền với hoạt động kinh doanh của Công ty, nên biến động tình hình kinh tế vĩ mô thế giới hoặc kinh tế trong nước đều ảnh hưởng đến Công ty.

Trước những diễn biến phức tạp của nền kinh tế, Công ty sẽ chủ động chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh và phương án tài chính, cũng như nguồn lực cần thiết phù hợp để có thể ứng phó theo những kịch bản khác nhau của nền kinh tế. Nâng cao quản trị rủi ro để hạn chế đưa ra chiến lược, chính sách không phù hợp cũng như giảm thiểu tối đa thiệt hại cho Công ty.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một Công ty trong ngành điện, hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, đã được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng Khoán Tp Hồ Chí Minh, nên hoạt động của SBA chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam và các chính sách liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên Môi trường,.... Hơn nữa, các văn bản pháp luật luôn được cập nhật, sửa đổi, hoàn thiện theo thời gian. Những thay đổi này cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến Công ty.

Vì thế, SBA luôn chủ động cập nhật những thay đổi về chính sách, văn bản pháp luật, ... đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt những quy định của pháp luật; đồng thời, đưa ra các mục tiêu, kế hoạch phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

RỦI RO LÃI SUẤT

Hầu hết, các doanh nghiệp thủy điện phải bỏ ra chi phí xây dựng nhà máy ban đầu rất lớn. Do đó, các doanh nghiệp này thường vay các khoản nợ dài hạn từ các tổ chức tín dụng để đầu tư cho nhà máy thủy điện. Chỉ cần sự biến động nhỏ về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn chi phí tài chính của Công ty khi các khoản vay tài chính chiếm gần 60% vốn chủ sở hữu của SBA. Năm 2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục duy trì mức lãi suất thấp để tạo điều kiện cho nền kinh tế phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid- 19. Nối tiếp năm 2020, đây là dấu hiệu tích cực cho doanh nghiệp, giúp SBA tiết kiệm khoản chi phí tài chính đáng kể để bổ sung vào nguồn vốn đầu tư phát triển.

Tuy nhiên, biến động lãi suất là một vấn đề mà Công ty không thể kiểm soát, nên để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, Công ty thường xuyên cập nhật những thay đổi về lãi suất để đưa ra các quyết định vay vốn có lợi cho mục đích của Công ty, giúp tiết kiệm chi phí tài chính.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH (RỦI RO THỜI TIẾT)

Vi sản lượng điện sản xuất ra chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nước và lưu lượng mưa tại địa phương nên ngành thủy điện phụ thuộc vào thời tiết và khí hậu. Đây là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi lượng mưa ảnh hưởng tới chu kỳ thủy văn và dòng chảy của sông, làm ảnh hưởng đến sản lượng phát điện của các dự án thủy điện. Bên cạnh đó, hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng suất thiết kế cũng làm ảnh hưởng đến sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét mưa lớn cũng gây ảnh hưởng đến đường sá công trình đập trong nhà máy.

Ngành điện nói chung và SBA nói riêng phải luôn cập nhật tình hình khí hậu, diễn biến thời tiết - thủy văn kịp thời, chính xác; và sẵn sàng ứng phó với các tình huống bất lợi, chuẩn bị các phương án phòng chống bão lụt, đảm bảo an toàn hồ đập và công trình thủy điện,... Đặc biệt, SBA chú trọng đầu tư vào bộ phận nghiên cứu thủy văn để có những dự báo chính xác chu kỳ thủy văn, dự báo thời tiết các mùa chính xác. Tất cả các biện pháp giải quyết đó để đảm bảo cung cấp điện an toàn, đủ chỉ tiêu điện theo kế hoạch đề ra.

RỦI RO ĐỘC QUYỀN

Cũng như các doanh nghiệp ngành điện khác, SBA chịu sự ràng buộc của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN). Công ty mua bán điện (EPTC), trực thuộc EVN là đơn vị duy nhất được phép mua điện từ tất cả các đơn vị phát điện trên thị trường và bán buôn cho các công ty phân phối điện. Điều này khiến các doanh nghiệp gặp nhiều bất cập trong chiến lược đầu tư phát triển do còn nhiều khó khăn như việc đàm phán, kí kết các hợp đồng mua bán điện với EPTC. Việc các công ty điện cạnh tranh nhau về giá thành điện để đăng kí mua - bán với EPTC là một thách thức được đặt ra cho Công ty. Vì vậy, SBA cần giảm thiểu chi phí một cách hợp lý để có thể có giá điện cạnh tranh với các công ty điện năng khác.

RỦI RO KHÁC

Ngoài ra, một số trường hợp khác có thể xảy ra rủi ro bất khả kháng như thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh,... Những rủi ro bất khả kháng này tuy ít xảy ra nhưng nếu xảy ra lại gây thiệt hại rất lớn đối với con người và tài sản, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

SBA thực hiện chủ trương theo dõi, lập ra các biện pháp dự phòng nhằm hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản khi có sự cố xảy ra.



CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- 30 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 31 Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- 32 Tổ chức và nhân sự
- 42 Tình hình tài chính
- 46 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	TH 2021	KH 2021	TH 2021/ TH2020	TH2021/ KH2021
1	Sản lượng điện	Triệu kWh	234,14	236,78	213,00	101,13%	111,16%
-	Khe Diên	Triệu kWh	38,93	42,91	38,00	110,22%	112,92%
-	Krông H'nhăng	Triệu kWh	195,21	193,87	175,00	99,31%	110,78%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	265,88	282,90	239,91	106,40%	117,92%
a	Doanh thu sản xuất điện	Tỷ đồng	257,88	278,36	231,91	107,94%	120,03%
-	Khe Diên	Tỷ đồng	48,26	59,02	54,58	122,29%	108,13%
-	Krông H'nhăng	Tỷ đồng	209,62	219,34	177,33	104,64%	123,69%
b	Doanh thu dịch vụ và thu khác	Tỷ đồng	8,00	4,54	8,00	56,75%	56,75%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	156,95	158,96	150,51	101,28%	105,61%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	108,93	123,94	89,39	113,78%	138,65%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	101,87	117,16	84,16	115,01%	139,21%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.595	1.943	1.395	114,97%	139,28%

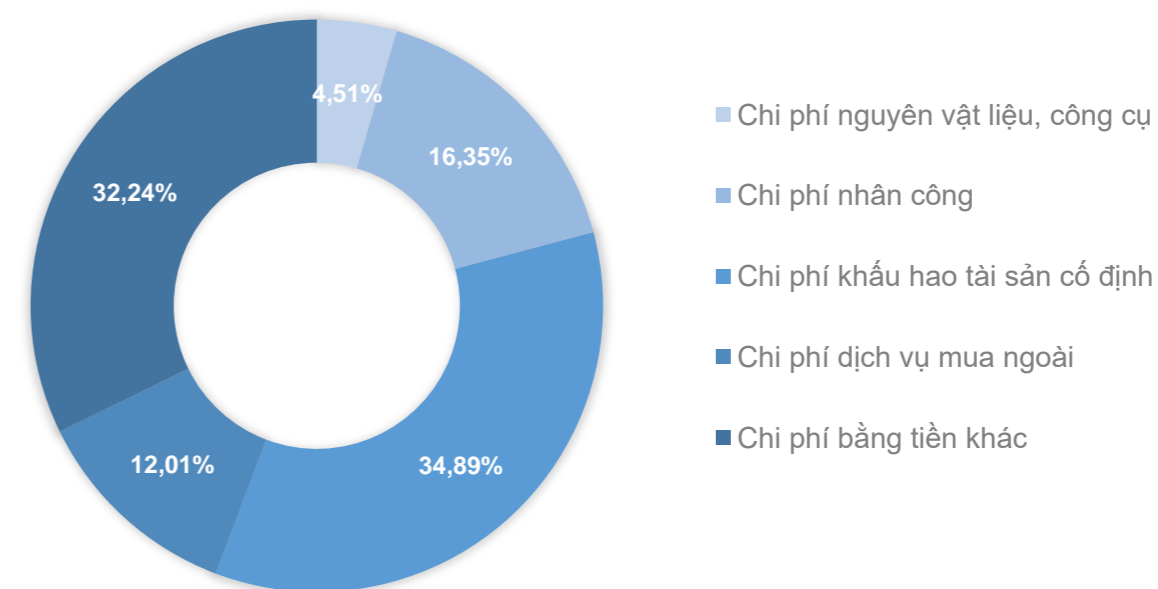
(Ghi chú: Tổng doanh thu bán điện và chi phí bán điện không bao gồm thuế tài nguyên nước, phí DVMTR, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thực hiện năm 2021 là: 33,15 tỷ đồng)



Cơ cấu chi phí sản xuất của công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2020	TH2021
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	Đồng	10.709.079.029	6.913.826.003
2	Chi phí nhân công	Đồng	23.209.834.734	25.052.139.957
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Đồng	49.149.800.293	53.448.740.008
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Đồng	20.278.051.843	18.396.552.303
5	Chi phí bằng tiền khác	Đồng	47.142.241.450	49.389.503.423
	Tổng chi phí sản xuất	Đồng	150.489.007.349	153.200.761.694

CƠ CẤU CHI PHÍ NĂM 2021



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Không có.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ Sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1	Thái Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	-	-	Được bầu làm Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/6/2021
2	Đình Châu Hiếu Thiện	Thành viên HĐQT	21.600	0,0357%	Từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 25/6/2021
3	Phạm Phong	Thành viên HĐQT	325.175	0,5376%	
4	Nguyễn Quang Hùng	Thành viên HĐQT	4.620	0,0076%	
5	Hoàng Nam Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	44.909	0,0742%	
BAN KIỂM SOÁT					
1	Phan Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát	2.550	0,0042%	
2	Huỳnh Thị Long	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	
3	Đỗ Đạt Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	
BAN ĐIỀU HÀNH					
1	Đình Châu Hiếu Thiện	Tổng Giám đốc Công ty	21.600	0,0357%	Bỏ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 01/07/2021
2	Nguyễn Thế Duy	Phó TGD – Phụ trách QTCT	4.596	0,0076%	
3	Phạm Đình Thạnh	Phó Tổng Giám Đốc	8.350	0,0138%	
4	Phạm Thái Hùng	Kế Toán trưởng	3.600	0,0060%	



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Đinh Châu Hiếu Thiện
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư điện - Chuyên ngành Tự động hóa
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA)

Quá trình công tác

- Tháng 2/1992 - Tháng 7/2002: Kỹ sư điện - Trung tâm Thí nghiệm điện - Công ty Điện lực 3
- Tháng 8/2002 - Tháng 9/2005: Phó Trưởng phòng Quản lý Thủy điện - Công ty Điện lực 3
- Tháng 10/2005 - Tháng 4/2010: Trưởng phòng Quản lý Thủy điện - Công ty Điện lực 3
- Tháng 4/2010 - Tháng 11/2014: Trưởng Ban Quản lý Thủy điện - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
- Tháng 11/2014 - Tháng 5/2015: Trưởng Ban Quản lý Xây dựng - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
- Tháng 6/2015 - Tháng 3/2018: Phó Giám đốc - Công ty lưới điện cao thế Miền Trung
- Tháng 4/2018 - Tháng 6/2020: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - CTCP Sông Ba
- Tháng 7/2020 đến nay: Tổng Giám đốc - CTCP Sông Ba

Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 21.600 CP

Tỷ lệ cổ phần cá nhân nắm giữ: 0,0357% CP

Số cổ phiếu làm người đại diện phần vốn của EVNCPC: 7.093.500 cp (11,7271%)



Ông Nguyễn Thế Duy
Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư điện
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Tháng 5/2004 – Tháng 8/2008: Chuyên viên phòng Kỹ thuật - CTCP Sông Ba
- Tháng 9/2007 – Tháng 1/2008: Phó trưởng phòng cơ điện - CTCP Sông Ba
- Tháng 2/2008 – Tháng 4/2010: Phó Ban Chỉ huy Công trình Thủy điện Krông H'nh 2
- Tháng 5/2010 – Tháng 4/2014: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch - CTCP Sông Ba
- Tháng 5/2014 đến nay: Phó tổng giám đốc Kinh doanh - CTCP Sông Ba

Số cổ phiếu nắm giữ: 4.596 CP

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,0076%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Phan Đình Thạnh
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- Tháng 8/2005– Tháng 9/2007: Chuyên viên phòng Kỹ thuật– CTCP Sông Ba
- Tháng 9/2007 – Tháng 3/2010: Chuyên viên phòng Cơ điện – CTCP Sông Ba
- Tháng 4/2010 – Tháng 9/2010: Chuyên viên Nhà máy thủy điện Krông H'năng – CTCP Sông Ba
- Tháng 1/2011 – Tháng 7/2011: Tổ trưởng tổ Cơ khí – Phòng Cơ điện – CTCP Sông Ba
- Tháng 8/2011 – Tháng 2/2015: Trưởng phòng Cơ điện – CTCP Sông Ba
- Tháng 3/2015 – Tháng 6/2016: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch – CTCP Sông Ba
- Tháng 7/2016 – Tháng 9/2018: Giám đốc Nhà máy thủy điện Krông H'năng – CTCP Sông Ba
- Tháng 10/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật – CTCP Sông Ba

Số cổ phiếu nắm giữ: 8.350 CP

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,0138%



Ông Phạm Thái Hùng
Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
- Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp

Quá trình công tác

- 2003 – 2004: Kế toán trưởng - Công ty TNHH Mỹ Anh, Quảng Bình
- 2004 – Tháng 6/2009: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Bông Vải miền Trung
- Tháng 7/2009 – Tháng 8/2009: Phó phòng Tài chính – Kế toán - CTCP Sông Ba
- Tháng 9/2009 – Tháng 12/2009: Phụ trách phòng Tài chính – Kế toán - CTCP Sông Ba
- Tháng 1/2010 đến nay: Kế toán trưởng - CTCP Sông Ba

Số cổ phiếu nắm giữ: 3.600 CP

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,0060%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Đinh Châu Hiếu Thiện:

- Từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 25/6/2021 nhưng vẫn là Thành viên HĐQT
- Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/7/2021

Ông Thái Hồng Quân:

- Được bầu làm Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 25/6/2021
- Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc ngày 24/06/2021

Ông Phạm Phong:

- Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/7/2021



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Tính đến 31/12/2021, tổng số lao động: 95 người

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	95	100,0%
1	Trên đại học	9	9,5%
2	Đại học	45	47,4%
3	Cao đẳng	19	20,0%
4	Trung cấp	22	23,1%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	95	100,0%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	9	9,5%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	86	90,5%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,0%
C	Theo giới tính	95	100,0%
1	Nam	91	95,8%
2	Nữ	4	4,2%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân	Triệu Đồng/người/ tháng	14,61	15,51	16,43	19,2

Dự kiến 2022, thu nhập bình quân là 17,9 triệu đồng/người/ tháng.

Qua các năm, thu nhập bình quân của người lao động tại SBA đều tăng lên, khá cao so với bình quân ngành, điều này có thể gây áp lực về chi phí cho Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn có những chính sách tăng lương để duy trì được nguồn nhân lực, cho thấy được SBA luôn quan tâm đến quyền lợi và đảm bảo mức sống ngày càng nâng cao cho người lao động.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Lương, thưởng, phúc lợi

Trong năm 2021, tình hình kinh tế tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Tuy vậy, Công ty vẫn luôn đảm bảo công việc, thu nhập ổn định và phúc lợi cho người lao động:

- Lương hàng tháng của NLD được chi trả đúng, đủ; thưởng Tết.
- Đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD 01 năm/lần theo quy định và bổ sung thêm danh mục khám mở rộng.
- Thực hiện việc trích nộp Kinh phí Công đoàn đúng quy định.
- Thăm hỏi NLD kết hôn, sinh con, ốm đau; tổ chức sinh nhật hàng quý; hỗ trợ cho NLD khi gặp khó khăn đột xuất, NLD hoặc người thân NLD qua đời...
- Tổ chức tặng quà cho con NLD nhân dịp Quốc tế thiếu nhi, tết Trung thu và đạt thành tích cao trong học tập hàng năm.
- Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho người thân của NLD nhân ngày Thương binh liệt sỹ.

“ Công ty như Ngôi nhà chung ”

Với công tác Đoàn thể

Các công tác đoàn thể, Công đoàn, Đoàn Thanh niên luôn được Công ty quan tâm, cả đời sống vật chất lẫn tinh thần người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty ngày càng hiệu quả.

Đảm bảo công bằng, dân chủ, văn minh

Việc thực hiện Quy chế dân chủ trong Công ty luôn được Lãnh đạo khuyến khích CBCNV phát huy trong tất cả các hoạt động của Công ty, Công đoàn và Đoàn Thanh niên. Công ty tổ chức báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Quy chế dân chủ 6 tháng/lần.

Tổ chức đối thoại theo Quy chế dân chủ SBA.

Công ty đã xây dựng và ban hành Sổ tay văn hóa SBA, chăm lo xây dựng văn hóa SBA để mỗi CBCNV xem Công ty như “Ngôi nhà chung của mình”.



Bồi dưỡng, đào tạo

Trong năm, công tác đào tạo, bồi dưỡng luôn được Công ty chú trọng và triển khai cho đội ngũ CBCNV để đảm bảo chất lượng nguồn lao động, tăng năng suất lao động, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về năng lực.

SBA đã tổ chức cho công nhân viên được cọ xát thực tế, để CBCNV nắm bắt được các kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, cách xử lý tình huống khi sự cố xảy ra. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của CBCNV về nghĩa vụ và trách nhiệm của mình khi gặp các sự cố tại nhà máy, đồng thời nâng cao hiệu quả, đảm bảo an toàn lao động tại nơi làm việc.

Phong trào thi đua, sáng kiến

Công ty luôn khuyến khích, tạo mọi điều kiện để NLD phát huy trí tuệ, thể hiện tài năng và cống hiến cho Công ty. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích tốt trong hoạt động SXKD, các phong trào thi đua nhằm động viên, khích lệ CBCNV phấn khởi, yên tâm công tác

Phương tiện, công cụ làm việc

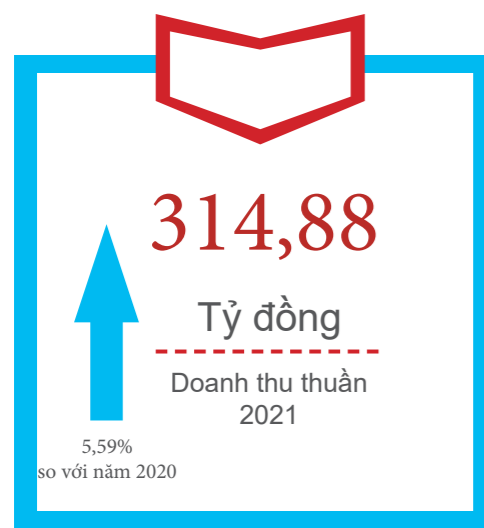
Nhằm tạo môi trường lao động an toàn, văn minh, thuận tiện cho người lao động, Công ty luôn chú trọng đến nền tảng cơ sở vật chất; cung cấp các phương tiện, công cụ làm việc chất lượng, an toàn, cụ thể:

- Trang bị đồ Bảo hộ Lao động (BHLĐ) được thực hiện đầy đủ, hợp lý, đảm bảo chất lượng. Công tác quản lý và thực hiện An toàn – Vệ sinh Lao động (AT-VSLĐ) đã được thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định. Không có tai nạn lao động trong năm 2021.
- Trang bị hoặc hỗ trợ chi phí cho NLD tự trang bị máy tính phục vụ công việc.
- Kiểm định đúng thời hạn quy định đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong quá trình sử dụng; Trang bị các tủ thuốc y tế, trong đó trang bị đầy đủ thuốc, các dụng cụ y tế cơ bản để sơ cứu; Tổ chức diễn tập PCCC 1 quý/lần; Kiểm tra công tác AT-VSLĐ tại cơ sở làm việc 01 tháng/lần.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	%Năm 2021/ Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	1.317.348.144.539	1.295.680.236.205	98,36%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	298.214.988.810	314.881.037.813	105,59%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Đồng	109.063.823.395	126.697.453.150	116,17%
4	Lợi nhuận khác	Đồng	-134.958.989	-2.755.549.822	-
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	108.928.864.406	123.941.903.328	113,78%
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	101.876.453.169	117.159.016.258	115,00%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		12%	10%	

(Doanh thu trên bao gồm tiền thuế TNN, phí DVMTR và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là 33.154.352.193 đồng (theo nội dung công văn số 12001/BTC-QLKT của Bộ Tài chính, ngày 01/10/2020))



Tình hình tài sản Công ty không quá biến động. Cuối năm 2021, tổng giá trị tài sản của Công ty giảm nhẹ từ 1.317,35 tỷ đồng năm 2020 xuống 1.295,68 tỷ đồng năm 2021, tương đương với mức giảm 1,64%. Trong cơ cấu tài sản cho thấy, tài sản ngắn hạn vẫn gia tăng trong khi tài sản dài hạn lại giảm đáng kể. Đối với tài sản dài hạn, nguyên nhân giảm chủ yếu đến từ sự khấu hao tài sản cố định. Thời điểm cuối năm 2021 ghi nhận giảm đến 45,04 tỷ đồng tài sản cố định so với cùng thời điểm năm trước. Đối với một doanh nghiệp ngành thủy điện như SBA, các tài sản cố định (với phần lớn là 2 nhà máy thủy điện) chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản doanh nghiệp thường dẫn đến các khoản khấu hao lớn hàng năm. Còn đối với tài sản ngắn hạn, khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tăng từ 12,02 tỷ đồng cuối năm trước lên 40,87 tỷ đồng vào cuối năm nay, tương ứng tăng 28,85 tỷ đồng. Bên cạnh đó, khoản phải thu ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện cũng tăng gần 18,39 tỷ đồng, tương ứng tăng từ 61,90 tỷ đồng lên 80,29 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm nay.

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh đều ghi nhận tăng trưởng tốt so với năm trước. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng trưởng 5,59%, từ 298,21 tỷ đồng năm 2020 lên 314,88 tỷ đồng năm nay. Lợi nhuận sau thuế đạt 117,16 tỷ đồng, tăng 15,00% so với năm 2020. Nguyên nhân là do vào quý IV năm nay có những đợt mưa lớn trên diện rộng, gia tăng lượng mưa trên cả nước giúp cho nhà máy thủy điện tăng trưởng mạnh về sản lượng, bù đắp sự thiếu hụt do yếu tố thời tiết trong 3 quý đầu năm.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,57	0,81
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,56	0,80
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,95%	33,94%
Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu	%	63,79%	51,38%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	54,31	56,77
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,23	0,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	34,16%	37,63%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	12,86%	14,27%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	7,88%	9,07%
Hệ số từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	36,57%	40,68%



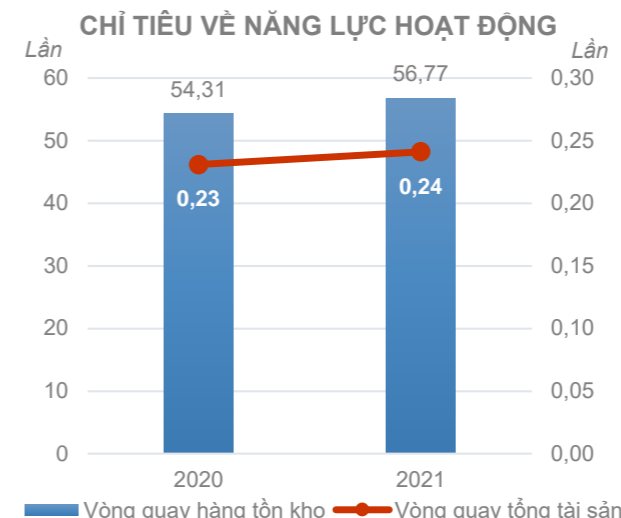
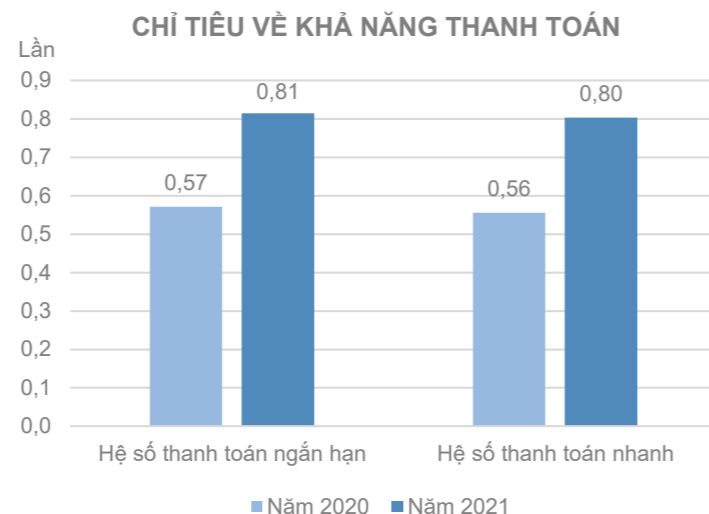
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Khả năng thanh toán

Năm 2021, khả năng thanh toán của Công ty cải thiện đáng kể. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,57 lên 0,81 và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,56 lên 0,80. Nguyên nhân đến từ việc tài sản ngắn hạn tăng đáng kể, từ 106,73 tỷ đồng cuối năm 2020 tăng lên 142,54 tỷ đồng cuối năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu đến từ khoản phải thu ngắn hạn tăng đáng kể từ Công ty Mua bán điện, tăng gần 18,39 tỷ đồng. Bên cạnh đó, khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cũng ở mức cao là 40,00 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm nay, lớn hơn nhiều so với con số 12,02 tỷ đồng vào cùng thời điểm năm trước.

Trong khi đó, khoản nợ ngắn hạn ghi nhận giảm nhẹ từ 186,79 tỷ đồng cuối năm trước còn 176,68 tỷ đồng năm nay. Nguyên nhân tác động chủ yếu đến từ khoản giảm cổ tức phải trả từ 38,24 tỷ đồng năm trước xuống 33,10 tỷ đồng năm nay, tương ứng giảm hơn 5,14 tỷ đồng.



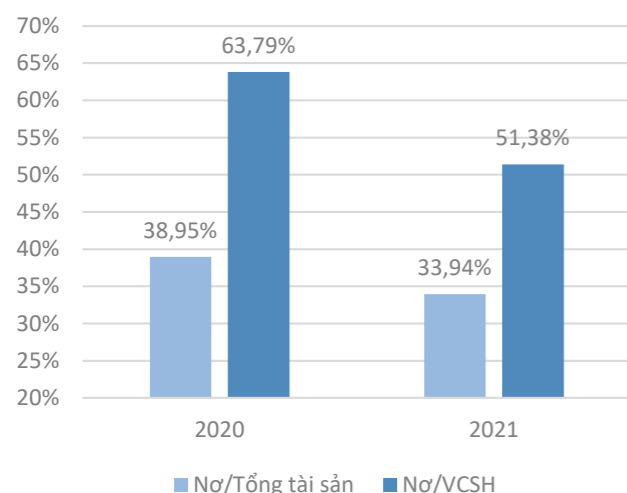
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Công ty là đơn vị sản xuất kinh doanh điện năng nên lượng hàng tồn kho chủ yếu là các vật tư thiết bị dự phòng phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên của nhà máy thủy điện, do đó vòng quay hàng tồn kho đối với doanh nghiệp thủy điện nói chung và SBA nói riêng đều rất lớn. Bên cạnh đó, các nhà máy thủy điện chiếm hầu hết trong cơ cấu tổng tài sản của doanh nghiệp trong ngành. Và các nhà máy thủy điện này có giá trị rất lớn so với quy mô doanh thu của công ty trong ngành.

Các chỉ số về năng lực hoạt động của SBA cho thấy sự ổn định về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021. Công ty có vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đều tăng nhẹ so với năm 2020. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 54,31 lên 56,77 và vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,23 lên 0,24.

Kết quả tốt này đến từ việc tình hình thủy văn năm 2021 được xem là thuận lợi đối với các doanh nghiệp thủy điện. Do đó, doanh thu thuần và giá vốn hàng bán năm 2021 đều ghi nhận tăng trưởng nhẹ so với năm 2020.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

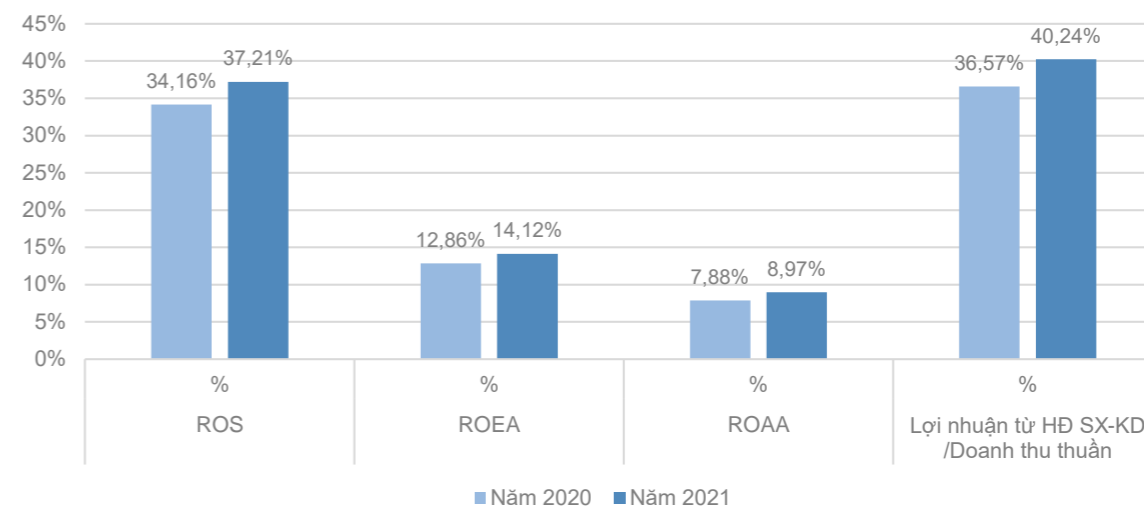


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Với việc nợ phải trả giảm và nguồn vốn chủ sở hữu tăng đã giúp các chỉ tiêu về cơ cấu vốn cải thiện đáng kể. Chi tiết đó là các khoản vay dài hạn giảm mạnh từ 326,29 tỷ đồng xuống còn 263,57 tỷ đồng, các khoản vay này chủ yếu đến từ Ngân hàng Phương Đông chi nhánh Trung Việt, là những khoản vay dài hạn chưa hết thời hạn trả của các khoản tài trợ xây dựng nhà máy thủy điện Khe Diên và K'ông H'Năng. Gần nhất là khoản vay để đầu tư mở rộng cho dự án thủy điện Khe Diên từ 9MW lên 15MW. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cũng tăng hơn 46,13 tỷ đồng từ 152,83 tỷ đồng lên 198,97 tỷ đồng vào cuối năm 2021 dẫn đến gia tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

Tổng tài sản ghi nhận giảm nhẹ từ 1.317,35 tỷ đồng năm 2020 xuống còn 1.295,68 tỷ đồng năm 2021, tương đương với mức giảm 1,64%. Mức giảm này khá nhỏ so với mức giảm đến 14,19% của Nợ phải trả. Vì vậy, Chỉ tiêu Nợ phải trả/Tổng tài sản cũng ghi nhận giảm đáng kể vào cuối năm nay.

CÁC CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty tương đối thuận lợi. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều cho thấy kết quả kinh doanh tốt, đều có sự tăng trưởng so với năm 2020. Nguyên nhân chính nhờ tình hình thủy văn ổn định, lưu lượng nước về hồ lớn dẫn đến sản lượng tăng cao, doanh thu và lợi nhuận đều tăng. Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh tới 15,00%, các chỉ số ROEA, ROAA năm 2021 đều tăng so với năm 2020, lần lượt là 14,27% và 9,07% tương đương với mức tăng 0,41% và 1,19%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Công ty Cổ phần Sông Ba:

Vốn điều lệ: 604.882.610.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 60.488.261 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 0 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 60.285.171 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 203.090 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 28 tháng 3 năm 2022

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước	1	23.645.000	39,09%
2	Cổ đông trong nước	6.140	36.641.077	60,58%
	Cá nhân	6.109	35.965.067	59,46%
	Tổ chức	31	676.010	1,12%
3	Cổ đông nước ngoài	21	202.184	0,33%
	Tổ chức	7	150.039	0,25%
	Cá nhân	14	52.145	0,09%
	Tổng cộng	6.162	60.488.261	100,00%

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Số ĐKKD: 0400101394

Địa chỉ: 78A Duy Tân, phường Hòa Thông, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Số lượng cổ phần sở hữu: 23.645.000 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 39,090%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có





CHƯƠNG III

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- 50 **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 54 **Tình hình tài chính**
- 56 **Kế hoạch phát triển tương lai**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2021

Tình hình hoạt động SXKD năm 2021 diễn ra trong điều kiện hết sức khó khăn: Dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng sâu rộng đến mọi hoạt động của Công ty. Công tác quản lý, vận hành 02 nhà máy thủy điện Krông H'nh, Khe Diên gặp nhiều khó khăn do hệ thống ưu tiên huy động các nguồn năng lượng điện gió và mặt trời, 09 tháng đầu năm, nắng nóng khô hạn kéo dài nên sản lượng phát của các nhà máy chỉ đạt 56,5% kế hoạch năm và việc cân đối tài chính của Công ty cực kỳ khó khăn, bước sang các tháng quý IV thì mưa, lũ liên tiếp, phụ tải hệ thống điện giảm, tình trạng quá tải lưới điện truyền tải 110kV làm hạn chế công suất phát điện của các nhà máy trở nên thường xuyên hơn.

Với tinh thần vượt khó, khắc phục khó khăn, phát huy những thuận lợi, Công ty đã linh hoạt trong vận hành các nhà máy và có nhiều giải pháp sáng tạo, quyết liệt trong quản lý điều hành nên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2021 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên Công ty, kết quả đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	TH 2021	TH/KH
1	Sản lượng điện	Triệu kWh	213,00	236,78	111,16%
-	Khe Diên	Triệu kWh	38,00	42,91	112,92%
-	Krông H'nh	Triệu kWh	175,00	193,87	110,78%
2	Tổng doanh thu:	Tỷ đồng	239,91	282,90	117,92%
a)	Doanh thu sản xuất điện	Tỷ đồng	231,91	278,36	120,03%
-	Khe Diên	Tỷ đồng	54,58	59,02	108,13%
-	Krông H'nh	Tỷ đồng	177,33	219,34	123,69%
b)	Doanh thu dịch vụ và thu khác	Tỷ đồng	8,00	4,54	56,75%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	150,51	158,96	105,61%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	89,39	123,94	138,65%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,16	117,16	139,21%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.395	1.943	139,28%

(Ghi chú: Tổng doanh thu bán điện và chi phí bán điện không bao gồm thuế tài nguyên nước, phí DVMTR, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước thực hiện năm 2021 là: 33,15 tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế
năm 2021 đạt

117,16
tỷ đồng

vượt 39,21% so với kế hoạch đề ra

Nhìn chung, các chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty đều vượt kế hoạch được giao. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế đạt 117,16 tỷ đồng, vượt 39,21% so với kế hoạch. Đây là kết quả xứng đáng với những nỗ lực đến từ tập thể Công ty.

VỀ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC VẬN HÀNH TẠI CÁC NHÀ MÁY

Công ty đã thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), không để xảy ra tai nạn lao động, không có sự cố chủ quan. Công tác vận hành các NMTĐ tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT), phòng chống cháy nổ (PCCN), phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn (PCTN - TKCN).

Trong năm có 06 đoàn kiểm tra về các nội dung liên quan PCCN, an toàn hồ đập, bảo vệ và phát triển rừng tại hai nhà máy. Các đoàn kiểm tra đều đánh giá cao công tác quản lý, điều hành, thực hiện các quy định theo pháp luật của Công ty và chưa để xảy ra sai phạm nào nghiêm trọng.

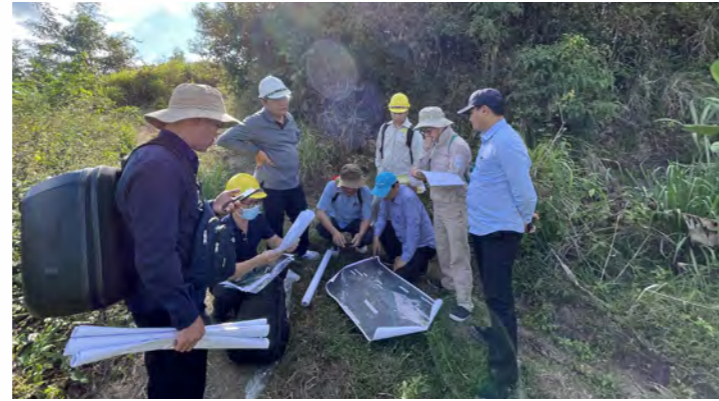
Công tác vận hành các NMTĐ hiệu quả, đã tận dụng tối đa nguồn nước, vận hành 02 nhà máy phù hợp với tình hình nước về và tình hình thị trường điện nên luôn chủ động trong công tác vận hành ngay cả những thời điểm giá thị trường dao động ở ngưỡng 1,00 đồng/kWh. NMTĐ Krông H'nh đạt giá bán điện bình quân đạt 1.131 đồng/kWh (tăng 6,81% so với giá bán theo hợp đồng), phần doanh thu tăng thêm từ thị trường điện 13,99 tỷ đồng. NMTĐ Khe Diên vận hành hiệu quả theo biểu giá chi phí tránh được, tổng sản lượng giờ cao điểm năm 2021 đạt 14,50 triệu kWh, tăng thêm 4,00 triệu kWh so với năm 2020, tương ứng doanh thu tăng thêm 7,28 tỷ đồng.

Chủ động xây dựng các kịch bản và tổ chức diễn tập tại 2 NMTĐ để ứng phó, phòng chống dịch bệnh Covid - 19 linh hoạt, an toàn. Công tác PCTN-TKCN, vận hành xả lũ tại các nhà máy chủ động, an toàn, hiệu quả và đúng quy định. Mức nước các hồ cuối năm 2021 đều ở mức nước dâng bình thường.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG



Dự án mở rộng NMTĐ Khe Diên thêm 06MW (nâng công suất nhà máy từ 09 MW lên thành 15MW).

Nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng TBA 110kV, đoạn đường dây 35kV nối dài và chuyển đầu nối bán điện sang lưới 110kV Quốc gia từ ngày 06/2/2021 (Phần xây dựng và lắp đặt tổ máy H3 đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngày 18/08/2020).

HĐQT Công ty đã phê duyệt quyết toán vốn ĐTXD công trình tại Quyết định số 23/21/QĐ-S3-HĐQT ngày 30/9/2021. Tổng giá trị quyết toán sau thuế được duyệt 96.004.761.831 đồng, giảm 3.752.830.169 đồng so với tổng mức đầu tư được duyệt là 99.757.592.000 đồng.

Dự án Krông H'nh 2:

Thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty về việc tiếp nghiên cứu rà soát thiết kế, đánh giá lại hiệu quả và giải quyết các thủ tục liên quan để duy trì dự án và trình ĐHCĐ trong cuộc họp tiếp theo thông qua, khi có điều kiện sẽ đầu tư. Năm 2021 Công ty đã tổ chức rà soát, đánh giá lại các phương án thiết kế trước đây, khảo sát đánh giá lại hiện trạng dự án để tiếp tục nghiên cứu, tính toán phương án thiết kế hợp lý, giải pháp đầu tư hiệu quả.

Dự án thủy điện Sông Tranh 1:

Công ty đang theo dõi, nắm bắt thông tin về chủ trương dừng vĩnh viễn dự án từ tỉnh Quảng Nam để giải quyết thủ tục dừng dự án theo quy định.

VỀ CÔNG TÁC DỊCH VỤ TƯ VẤN VÀ NGHIÊN CỨU

Năm 2021, dịch bệnh Covid - 19 diễn ra trên diện rộng và kéo dài ngay từ đầu năm, nên công tác dịch vụ tư vấn bên ngoài của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, phải tìm kiếm đối tác và công việc mới. Ngoài ra, công tác đấu thầu qua mạng có yêu cầu khắt khe về năng lực, kinh nghiệm nên cơ hội tham gia đấu thầu của Công ty cũng bị hạn chế.

Trong năm 2021, Công ty đã ký mới được 04 hợp đồng, tổng giá trị sau thuế là 1,20 tỷ đồng và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đã ký, đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Tổng giá trị dịch vụ tư vấn và thu khác năm 2021 là 4,54 tỷ đồng (đạt 56,75 % kế hoạch).

Ngoài hoạt động dịch vụ, Trung tâm tư vấn của Công ty còn tự thực hiện các hoạt động liên quan như: nghiên cứu dự báo thủy văn nguồn nước, kiểm định và quan trắc để đánh giá an toàn công trình, lập các phương án ứng phó tình huống khẩn cấp, phương án bảo vệ đập, thiết kế, giám sát thi công công tác sửa chữa bảo dưỡng hàng năm cho các nhà máy v.v... thay vì phải thuê đơn vị tư vấn bên ngoài thực hiện. Tổng giá trị bình quân hàng năm của các công việc tự thực hiện này là 8,70 tỷ đồng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình Tài sản

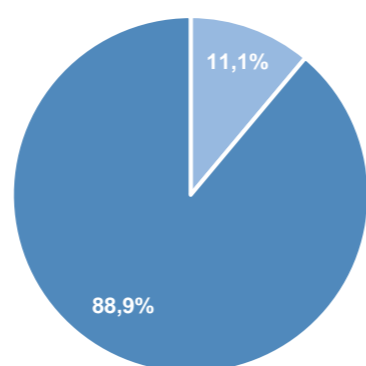
ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	TH2021/ TH2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Tài sản ngắn hạn	106.732.921.842	142.541.282.461	134,77%	8,10%	11,00%
Tài sản dài hạn	1.210.615.222.697	1.153.138.953.744	95,25%	91,90%	89,00%
Tổng tài sản	1.317.348.144.539	1.295.680.236.205	98,45%	100,00%	100,00%

Tổng tài sản của Công ty năm 2021 là 1.295,68 tỷ đồng, giảm 21,67 tỷ đồng so với năm 2020, tương đương với 1,55%. Trong đó, Tài sản ngắn hạn tăng 34,77%, tương đương với 35,81 tỷ đồng. Tiền và tương đương tiền là nguyên nhân chính cho sự tăng này với mức tăng gần 28,85 tỷ đồng, từ 12,02 tỷ đồng tăng lên 40,87 tỷ đồng vào cuối năm 2021. Hầu hết khoản này được gửi ngân hàng không kỳ hạn (40,00 tỷ đồng).

Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản với 88,91%, do đặc thù ngành thủy điện là suất đầu tư lớn với vốn đầu tư ban đầu chủ yếu là các tài sản cố định hữu hình (nhà cửa, đập thủy điện, tua bin, máy biến áp...) để vận hành nhà máy thủy điện. Trong năm 2021, tài sản dài hạn giảm nhẹ với 4,75%, chủ yếu đến từ sự khấu hao tài sản cố định và trong năm không có dự án đầu tư xây dựng mở rộng.

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2021



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn



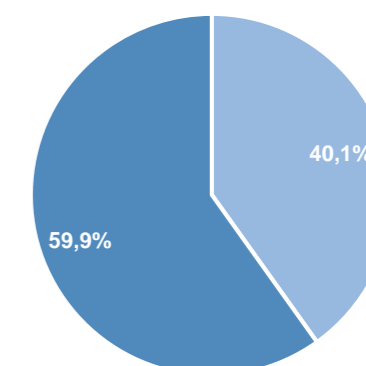
Tình hình Nợ phải trả

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	TH2021/ TH2020	Tỷ trọng 2020	Tỷ trọng 2021
Nợ ngắn hạn	186.794.762.808	176.684.059.846	94,59%	36,41%	40,13%
Nợ dài hạn	326.286.214.456	263.574.259.281	80,78%	63,59%	59,87%
Tổng nợ phải trả	513.080.977.264	440.258.319.127	85,81%	100,00%	100,00%

Năm 2021, tổng nợ phải trả giảm 14,19% so với năm 2020, từ 513,08 tỷ đồng xuống còn 440,26 tỷ đồng. Thay đổi đáng kể nhất là các khoản vay dài hạn của Ngân hàng Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt, để tái tài trợ cho dự án thủy điện Khe Diên và tài trợ dự án thủy điện Krông H'nhăng đến hạn trả. Giá trị các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm của ngân hàng này là 94,93 tỷ đồng. Tổng giá trị còn lại của các khoản vay tại ngân hàng Phương Đông là 326,29 tỷ đồng vào cuối năm nay.

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ 2021



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022



Hiện tượng La Nina nhiều khả năng sẽ tiếp diễn và tiếp tục kéo dài sang nửa đầu năm 2022, giúp lượng nước về các hồ thủy điện giữ được mức cao. Tuy nhiên, đánh giá thủy văn cho thấy, xác suất hiện tượng El Nino quay lại từ tháng 8 năm 2022 là khoảng 35%. Điều này khiến cho khả năng tích lũy nước của các thủy điện nhất là miền Bắc và miền Trung giảm sút và sẽ ảnh hưởng tới cơ cấu huy động điện trong giai đoạn 2022 – 2023. Sau khi phân tích dự báo thủy văn, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến giá thị trường điện (tình hình dịch Covid 19, phụ tải hệ thống, nguồn điện...), tình hình vận hành các nhà máy thủy điện, tình hình phát triển đầu tư các dự án, công tác dịch vụ tư vấn, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

STT	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch 2022
1	Tổng sản lượng	Triệu kWh	217,00
-	Nhà máy TĐ Khe Diên	Triệu kWh	42,00
-	Nhà máy TĐ Krông H'nh	Triệu kWh	175,00
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	249,53
a)	Doanh thu sản xuất điện	Tỷ đồng	245,53
-	Nhà máy TĐ Khe Diên	Tỷ đồng	59,60
-	Nhà máy TĐ Krông H'nh	Tỷ đồng	185,93
b)	Doanh thu dịch vụ tư vấn	Tỷ đồng	4,00
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	149,62
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	99,91
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	93,93
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	1.558

CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT, VẬN HÀNH CÁC NMTĐ

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH

Tiếp tục nghiên cứu, dự báo tình hình thủy văn để chủ động, linh hoạt trong việc lập kế hoạch, vận hành NMTĐ Krông H'nh theo Thị trường điện, NMTĐ Khe Diên theo Biểu giá chi phí tránh được mang lại hiệu quả tốt về giá bán điện và doanh thu, các hồ chứa, hạng mục công trình vận hành đảm bảo an toàn, đúng quy định.

Thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ 2 nhà máy, đảm bảo không có sự cố hư hỏng do chủ quan; suất sự cố không vượt chỉ tiêu theo kế hoạch giao và một số công tác chính khác như sau:

► NMTĐ Khe Diên:

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống kích từ, điều tốc tổ máy H1; lắp đặt hoàn thiện bổ sung 02 role bảo vệ trạm 110 kV Khe Diên.
- Thi công nâng cấp phần còn lại của đường vận hành VH1, tổng chiều dài 2.847 m.
- Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện làm việc, ăn ở, sinh hoạt, hoạt động thể dục thể thao của cán bộ nhân viên nhà máy.



► NMTĐ Krông H'nh:

- Đại tu các máy biến áp 10,5/110kV nhà máy; cải tạo đường dây cáp quang từ đập tràn đến cửa nhận nước, sửa chữa thiết bị cơ khí thủy công đập tràn.
- Nạo vét bùn đất bồi lắng kênh dẫn vào cửa nhận nước.
- Sửa chữa các hạng mục xây dựng bị hư hỏng do mưa lũ cuối năm 2021.



► Công tác ATVSLĐ, PCCN và PCTT-TKCN:

- Thực hiện nghiêm các quy định về ATVSLĐ và PCCN đảm bảo theo quy định, không có tai nạn lao động, sự cố cháy nổ; Thực hiện tốt công tác PCTT-TKCN.
- Tổ chức bồi huấn và diễn tập định kỳ về ATVSLĐ và PCCN.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Dự án Krông H'nh 2 (Công suất 13-15MW, lấy nước trực tiếp từ sau kênh xả nhà máy thủy điện Krông H'nh, thuộc xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên): Năm 2022, Công ty tiếp nghiên cứu, chọn phương án thiết kế tối ưu; khảo sát, lập Báo cáo đầu tư, làm việc với các cơ quan chức năng liên quan, giải quyết các thủ tục cần thiết để chuẩn bị đầu tư dự án.

Dự án Sông Tranh 1 (Công suất 20MW, thuộc tỉnh Quảng Nam): Do chủ trương chung, UBND tỉnh Quảng Nam đã loại dự án ra khỏi quy hoạch nên năm 2022, SBA tiếp tục theo dõi, làm việc với các đơn vị liên quan tỉnh Quảng Nam, nắm bắt thông tin về chủ trương dừng vĩnh viễn dự án từ các cấp có thẩm quyền của tỉnh Quảng Nam để giải quyết thủ tục dừng dự án theo quy định.

Tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn đã ký kết, mở rộng tìm kiếm, tham gia dự thầu các gói thầu liên quan kiểm định đập, giấy phép khai thác nước mặt, Phương án bảo vệ đập, đào tạo vận hành.v.v.. cho các nhà máy thủy điện. Phần đầu doanh thu năm 2022 đạt trên 4,0 tỷ đồng.

Hoàn thành các hợp đồng tư vấn thiết kế và giám sát dự án thủy điện Tầm Phục, tư vấn vận hành xả lũ liên hồ.

Xúc tiến làm việc với các Chủ đầu tư, chủ động tìm kiếm, tham gia dự thầu các gói thầu liên quan có thể mạnh: Kiểm định đập; lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa, phương án bảo vệ đập cho các NMTĐ; tư vấn thiết kế, giám sát các công trình điện ... (đến hết quý 1/2022 Công ty đã ký mới được 2 hợp đồng với tổng giá trị gần 0,7 tỷ đồng).

Hoàn thiện hồ sơ năng lực Công ty để mở rộng tham gia dự thầu các gói thầu tư vấn thuộc các lĩnh vực Nông nghiệp phát triển Nông thôn.



CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, TÀI CHÍNH

Tiếp tục duy trì, tăng cường công tác quản trị của Ban lãnh đạo, giải quyết linh hoạt, đáp ứng quy định, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và tiết kiệm hợp lý chi phí hoạt động.

Chủ động kiểm soát, cân đối tốt dòng tiền, đảm bảo ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông đúng kế hoạch.

Biên soạn, ban hành toàn bộ hệ thống tài liệu quản lý chất lượng Công ty.

Tổ chức kiểm tra, đánh giá nội bộ và đánh giá duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo quy định.

Hoàn thiện công tác lưu trữ, thực hiện 5S tại văn phòng Công ty và hai nhà máy.

Đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến, đăng ký đề tài nghiên cứu.

CÔNG TÁC QUAN TRỌNG KHÁC

Tổ chức kỷ niệm 15 năm ngày vận hành thương mại NMTĐ Khe Diên.

Cải tạo nội thất, trang bị bổ sung công cụ, dụng cụ làm việc tại một số phòng làm việc tại Văn phòng Công ty.

Đưa vào sử dụng phần mềm văn phòng điện tử Công ty; số hóa toàn bộ hồ sơ, tài liệu lưu trữ; ứng dụng phần mềm để quản lý cổ đông; nâng cấp phần mềm kế toán Bravo để phù hợp với cơ sở hạ tầng hiện tại; nghiên cứu ứng dụng công nghệ số để nâng cấp chương trình dự báo lũ về các hồ Khe Diên và Krông H'nh.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CĂN CỨ ĐỂ HOÀN THÀNH CÁC KẾ HOẠCH



Công tác quản lý kỹ thuật, vận hành các NMTĐ:

- Nghiên cứu diễn biến tình hình thời tiết, thủy văn để chủ động trong công tác vận hành các nhà máy Krông H' năng theo Thị trường điện và Khe Diên theo Biểu giá chi phí tránh được đạt hiệu quả cao.
- Chuẩn bị đầy đủ các phương án, nhân lực, vật tư thiết bị dự phòng để sửa chữa, bảo dưỡng và xử lý kịp thời các sự cố công trình, thiết bị tại các NMTĐ.

Hoàn thiện hệ thống tài liệu của Công ty. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc áp dụng, tuân thủ các tài liệu được ban hành.

Rà soát, xây dựng lại kế hoạch chuyển đổi số để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành trong năm 2023.

Cải tiến việc đánh giá hiệu quả công tác, các chế độ lương thưởng, chính sách đãi ngộ, đào tạo theo hướng cụ thể, chi tiết để thực hiện phù hợp với tình hình hoạt động Công ty.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, đào tạo và tự đào tạo, nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ nhân viên (CBNV) Công ty.

Cải thiện điều kiện làm việc, đời sống tinh thần cho CBNV toàn Công ty.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Sông Ba, Vì vậy, Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





CHƯƠNG IV

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- 64 **Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**
- 66 **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD**
- 67 **Kế hoạch và định hướng của HĐQT**

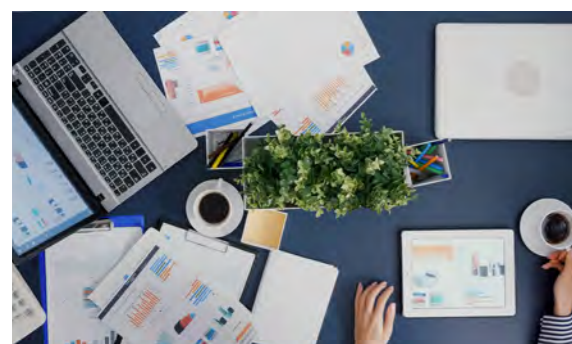
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2021

Năm 2021, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết ĐHCĐ đã đề ra. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	TH 2021	TH/KH
1	Tổng sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	213,00	236,78	111,16%
2	Doanh thu từ sản xuất điện	Tỷ đồng	231,91	278,36	120,03%
3	Doanh thu từ dịch vụ tư vấn, thu khác	Tỷ đồng	8,00	4,54	56,75%
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	239,91	282,90	117,92%
5	Tổng chi phí	Tỷ đồng	150,51	158,96	105,61%
6	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	89,39	123,94	138,65%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	84,16	117,16	139,21%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cp	1.395	1.943	139,28%

ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



Công tác quản trị doanh nghiệp luôn được quan tâm, chú trọng trong mọi mặt hoạt động của Công ty nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và tiết kiệm hợp lý chi phí hoạt động. Công tác công bố thông tin thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho các Cơ quan chức năng liên quan và Cổ đông Công ty theo đúng quy định.

Năm 2021, dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn nỗ lực tìm kiếm được thêm các công việc từ bên ngoài, qua đó vừa tăng nguồn thu cho Công ty, đảm bảo công việc và thu nhập ổn định cho NLD. Lương hàng tháng của NLD được chi trả đúng, đủ, thu nhập bình quân CBNV Công ty năm 2021 là 16,96 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã chấp hành đầy đủ, tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước trong hoạt động SXKD điện năng. Công tác quản lý kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng, xử lý sự cố thiết bị, ATVSLĐ-PCCN luôn được chú trọng thực hiện tốt, đảm bảo 02 Nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả.

Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, cân đối được dòng tiền, nộp ngân sách Nhà nước đúng quy định (70,35 tỷ đồng) và đã chi trả hết cổ tức 2020 cho cổ đông.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, SÁNG TẠO

Với phương châm “Tư duy sáng tạo, không ngừng phát triển”, Công ty luôn tạo điều kiện để CBNV phát huy sáng kiến, cải tiến và hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2021, Công ty có 08 giải pháp hợp lý hóa sản xuất được công nhận và đã được áp dụng, mang lại hiệu quả chung cho hoạt động của Công ty.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Hoạt động dịch vụ tư vấn tuy đóng góp không quá lớn vào cơ cấu doanh thu nhưng luôn được Công ty coi trọng. Với tiềm năng sẵn có về nhân lực qua đầu tư, quản lý vận hành các nhà máy hiệu quả, thời gian qua hoạt động tư vấn luôn được khích lệ để góp phần tăng doanh thu Công ty, tăng thu nhập cho CBCNV và lợi ích cho Cổ đông, nâng cao thương hiệu, vị thế SBA.

Năm 2021, trước tình hình giãn cách kéo dài bởi dịch Covid – 19, hoạt động tư vấn gặp nhiều khó khăn dẫn đến kết quả không đạt được kế hoạch đề ra. Công ty đã ký mới được 04 hợp đồng, tổng giá trị sau thuế là 1,2 tỷ đồng và tiếp tục thực hiện các hợp đồng đã ký, đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Tổng giá trị dịch vụ tư vấn và thu khác năm 2021 là 4,54 tỷ đồng (đạt 56,75 % kế hoạch).



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện các nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Đội ngũ lãnh đạo luôn gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong Điều lệ Công ty, theo dõi, giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã đề ra. Năm 2021, trước tình hình diễn biến phức tạp kéo dài của dịch Covid – 19, Ban Tổng Giám đốc vẫn luôn cố gắng nỗ lực, chủ động và kịp thời đưa ra những giải pháp phù hợp, nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, thời tiết. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, Tổng giám đốc đã có ý kiến gửi Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết.

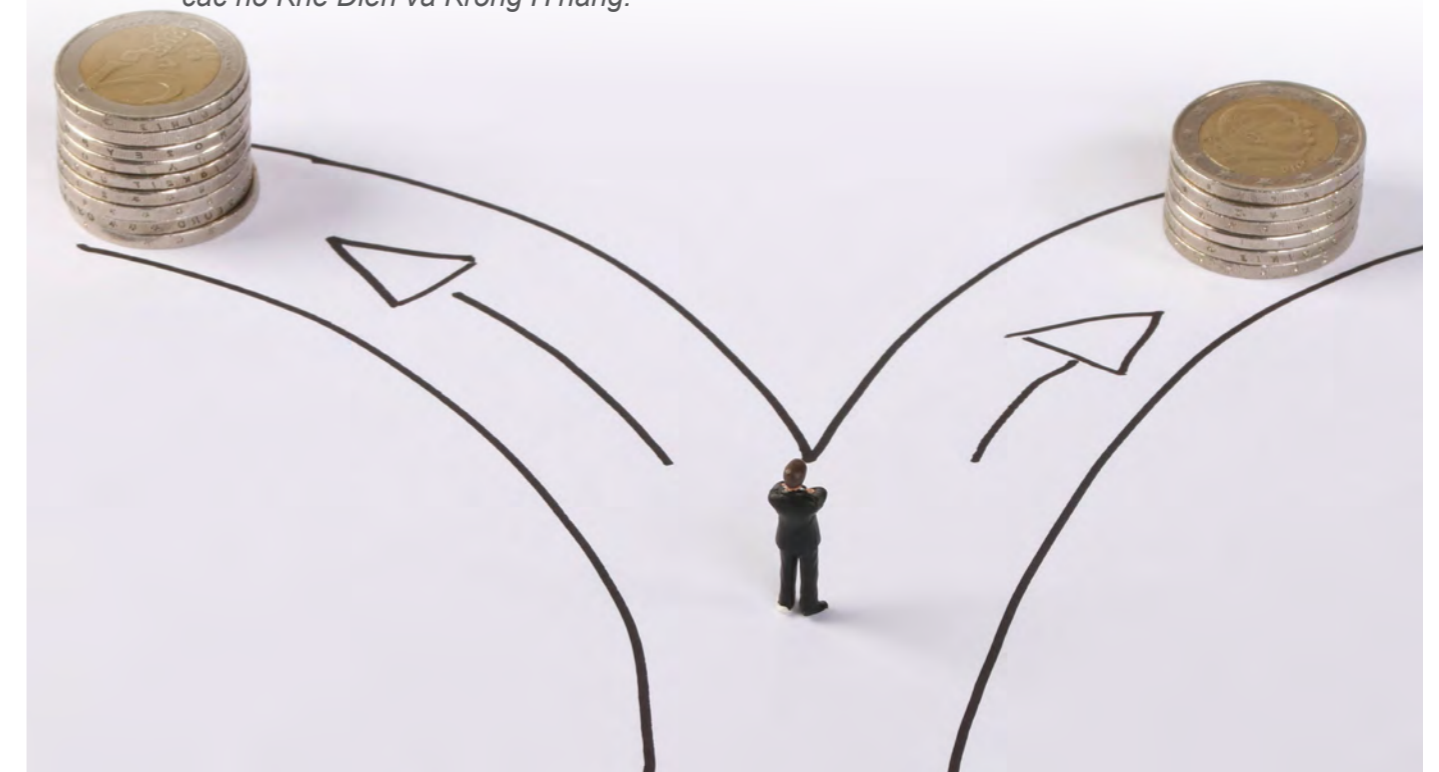
Nhìn chung, qua theo dõi, giám sát, HĐQT nhìn nhận Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, đảm bảo cho mọi hoạt động của công ty diễn ra hiệu quả, tiết kiệm, tuân thủ pháp luật, bảo đảm quyền lợi cho cổ đông cũng như toàn thể nhân viên công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, sáng tạo trong việc đưa ra nhiều quyết sách đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

HĐQT tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, cùng Ban điều hành Công ty giải quyết linh hoạt, hiệu quả, phù hợp qui định các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch chính năm 2022 như sau:

- Về vận hành NMTĐ Krông H'năng và Khe Diên: *Tổ chức vận hành các nhà máy an toàn, khai thác hiệu quả nguồn nước và giá bán điện; Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 217,0 triệu kWh, tổng doanh thu bán điện đạt 245,53 tỷ đồng.*
- Tiết giảm chi phí hợp lý, tranh thủ mọi cơ hội tăng doanh thu, phấn đấu đạt mức lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu từ 1.558 đồng/CP trở lên.
- Về đầu tư Dự án thủy điện Krông H'năng 2: *nghiên cứu, tối ưu phương án thiết kế; khảo sát, lập Báo cáo đầu tư, làm việc với các cơ quan chức năng liên quan, giải quyết các thủ tục cần thiết để chuẩn bị đầu tư dự án.*
- Nghiên cứu, dự báo tình hình thủy văn để chủ động, linh hoạt trong việc lập kế hoạch, vận hành NMTĐ Krông H'năng theo Thị trường điện, NMTĐ Khe Diên theo Biểu giá chi phí tránh được mang lại hiệu quả tốt về giá bán điện và doanh thu.
- Hoạt động dịch vụ tư vấn: *Tiếp tục thực hiện các hợp đồng tư vấn thiết kế và giám sát DATĐ Tâm Phục, tư vấn vận hành xả lũ liên hồ đã ký kết; Mở rộng tìm kiếm, tham gia dự thầu các gói thầu liên quan kiểm định đập, giấy phép khai thác nước mặt, Phương án bảo vệ đập, đào tạo vận hành.v.v.. cho các nhà máy thủy điện. Phấn đấu doanh thu năm 2022 đạt trên 4,0 tỷ đồng, nâng cao uy tín, thương hiệu cho Công ty.*
- Công tác chuyển đổi số: *Năm 2022, Công ty sẽ tập trung thực hiện hoàn thành các nội dung chính sau: số hoá toàn bộ hồ sơ, tài liệu lưu trữ; ứng dụng phần mềm để quản lý cổ đông; nâng cấp phần mềm kế toán Bravo để phù hợp với cơ sở hạ tầng hiện tại; nghiên cứu ứng dụng công nghệ số để nâng cấp chương trình dự báo lũ về các hồ Khe Diên và Krông H'năng.*





CHƯƠNG V

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



- 70 Định hướng phát triển bền vững
- 70 Mục tiêu cụ thể
- 71 Sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả
- 72 Sử dụng nước hiệu quả
- 73 Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an toàn cho người lao động
- 75 Trách nhiệm xã hội
- 75 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Năm 2021 vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Bên cạnh việc tập trung cao độ vào hiệu quả hoạt động, Công ty vẫn luôn ý thức được tầm quan trọng của các mục tiêu phát triển bền vững. Ở CTCP Sông Ba, việc phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì lẽ đó, SBA luôn chú trọng đến từng giai đoạn quy trình hoạt động, từ khâu sản xuất đến khâu phân phối điện. Các công tác xử lý chất thải, giữ vệ sinh môi trường xung quanh các nhà máy sản xuất và khu vận hành. Công ty luôn hướng đến mục tiêu gia tăng và cân bằng lợi ích cho các bên liên quan: cổ đông, khách hàng, cơ quan quản lý Nhà nước, cán bộ công nhân viên...

MỤC TIÊU CỤ THỂ

Lợi ích kinh tế

- Tăng trưởng bền vững phải đi đôi với lợi ích kinh tế thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty: Đáp ứng được sản lượng điện năng cho các hoạt động trong nước, góp phần phát triển nền kinh tế bền vững thông qua hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty.
- Đào tạo giúp nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của các lực lượng lao động trẻ.
- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng quản trị của các cấp quản lý, các ban vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững ổn định.

Bảo vệ môi trường

- Chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan và hệ sinh thái tại khu vực vận hành.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí và bảo vệ môi trường đối với toàn thể cán bộ công nhân viên.
- Sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Không ngừng nỗ lực cải tiến quy trình sản xuất để đáp ứng những tiêu chuẩn về môi trường xanh sạch đẹp.



SỬ DỤNG NGUỒN NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

Để vận hành máy móc thiết bị tại các nhà máy cũng như phục vụ cho công tác tại các văn phòng, Công ty sử dụng nguồn năng lượng chủ yếu là điện năng. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, Công ty còn sử dụng một số năng lượng cần thiết như xăng, dầu ga, khí đốt...

Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Đơn vị tính	Năm 2021
Tổng năng lượng tiêu thụ	kWh	431.562
Điện dùng trong quản lý văn phòng	kWh	39.072
Điện dùng trong sản xuất	kWh	392.490
• NMTĐ Khe Diên	kWh	113.688
• NMTĐ Krông H'Năng	kWh	278.802

Tiết kiệm năng lượng hiện đang là một vấn đề lớn được hầu hết mọi người quan tâm. Khi các nguồn năng lượng đang ngày một cạn kiệt, việc tiết kiệm năng lượng càng được ưu tiên đặt lên hàng đầu. Vì vậy, SBA đầu tư các máy móc thiết bị tiết kiệm năng lượng, thường xuyên kiểm tra việc sử dụng năng lượng, thực hiện các chính sách tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn năng lượng, giúp đảm bảo lợi ích cho công ty và góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên.





SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC HIỆU QUẢ

Tình hình nước về hồ trong năm

Các nguồn nước	Đơn vị tính	Tổng lượng nước thu về/ đạt được trong năm 2021
Hồ Krông H'nhăng	m3	1.431.734.400
Hồ Khe Diên	m3	138.758.400

Tình hình sử dụng nước trong năm tại các nhà máy

Loại hoạt động	Đơn vị tính	Tổng lượng nước sử dụng
Sử dụng phát điện	m3	865.663.200
• Nhà máy Krông H'nhăng	m3	741.096.000
• Nhà máy Khe Diên	m3	124.567.200
Sử dụng cho sinh hoạt	m3	602



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



Nguồn nhân lực dồi dào, phát triển là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, để giúp Công ty phát triển vững mạnh, SBA cam kết mang đến cho toàn thể cán bộ công nhân viên một môi trường làm việc chuyên nghiệp và an toàn, nhằm phát huy hết năng lực của mình.

Về công tác tổ chức, hệ thống, lương thưởng, phúc lợi

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị trong Công ty tinh gọn và hợp lý.
- Ban hành Quy chế quản lý nội bộ, Quy chế lương mới theo vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị áp dụng trong toàn Công ty.
- Ban hành danh mục hệ thống tài liệu Công ty (tài liệu pháp lý nội bộ, tài liệu kỹ thuật và tài liệu ISO) để định hướng và xây dựng kế hoạch từng bước biên soạn, hoàn thiện. Đến hết năm 2021, Công ty đã hiệu chỉnh và ban hành mới 44/103 tài liệu; Tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ theo quy định và được BSI đánh giá, chấp thuận duy trì chứng nhận vào tháng 12/2021.
- Công tác phòng chống dịch Covid - 19 được thực hiện kịp thời, linh hoạt, đã đề ra nhiều cấp độ để chủ động ứng phó với tình hình diễn biến phức tạp tại các khu vực nhà máy và Văn phòng Công ty.
- Công ty đã từng bước triển khai nâng cấp tổng thể hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, mua sắm phần mềm văn phòng điện tử, số hóa tài liệu theo Đề cương chuyển đổi số được HĐQT phê duyệt.
- Điều chỉnh nâng lương, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo Bộ Luật lao động, chi trả lương thưởng đúng hạn, đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho CBNV, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ bảo hộ lao động, hỗ trợ chi phí đi lại và thuê nhà trọ, hỗ trợ CBNV Công ty làm việc theo phương án "3 tại chỗ". Thu nhập bình quân CBNV năm 2021 là 19,2 triệu đồng/người. Công ty đã chi từ Quỹ phúc lợi với tổng số tiền chi hơn 1,3 tỷ đồng phục vụ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của NLĐ.
- Năm 2021, để phát huy tính dân chủ trong công tác quản lý điều hành, tổ chức khảo sát, lấy ý kiến, đối thoại để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của CBNV nhằm có sự điều chỉnh phù hợp, tăng cường đoàn kết, tạo môi trường hòa đồng, không khí làm việc nhẹ nhàng.



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về công tác đào tạo

Các nghiệp vụ đào tạo	Đối tượng	Số giờ đào tạo
Bồi huấn và tổ chức thi sát hạch (nâng bậc, giữ bậc, chuyển ngạch) CBNV tại 2 Nhà máy	CBNV thuộc bộ phận vận hành và sửa chữa tại 2 Nhà máy	64
Đào tạo Trưởng ca Nhà máy điện	Nhân viên vận hành Nhà máy thủy điện Krông H'nhăng	40
Tập huấn về pháp luật lao động, BHXH	CBNV làm công tác nhân sự, tiền lương	16
Đào tạo đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng	CBNV làm công việc liên quan đến đấu thầu	16
Bồi huấn ATVSLĐ tại 2 Nhà máy	CBNV tại 2 Nhà máy	32

Về công tác sáng kiến, thi đua khen thưởng



Công ty luôn tạo điều kiện để CBNV phát huy sáng kiến, cải tiến và hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2021, Công ty có 08 giải pháp hợp lý hóa sản xuất được công nhận và đã được áp dụng, mang lại hiệu quả chung cho hoạt động của Công ty.

Trong năm 2021, Công ty có 04 tập thể và 30 cá nhân được khen thưởng “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; 03 tập thể và 46 cá nhân được khen thưởng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và đã công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2021 cho 09 cá nhân.

Năm 2021, Công ty được tặng Bằng khen của: UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Quảng Nam, Bộ Công Thương, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp và Chứng nhận Doanh nghiệp bền vững của VCCI; 01 cá nhân được tặng Bằng khen của Bộ Công Thương; 02 cá nhân được tặng Bằng khen của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp; 02 tập thể và 03 cá nhân được EVNCPC tặng Giấy khen.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Với tinh thần và ý thức trách nhiệm xã hội, Công ty luôn tích cực tham gia và vận động CBNV tham gia ủng hộ các hoạt động xã hội của Công đoàn, Đoàn thanh niên cấp trên và các tổ chức đoàn thể bên ngoài như: Tặng quà tết cho các hộ dân khu vực tái định cư của công trình NMTĐ Krông H'nhăng và học sinh các trường mầm non, tiểu học; Tặng quà cho học sinh nghèo vượt khó học giỏi tại địa bàn hai nhà máy; Ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19; Ủng hộ cho các tổ chức xã hội (Hội nạn nhân chất độc da cam; Hội người khuyết tật; Hội khuyến học...) tại tỉnh Quảng Nam và TP. Đà Nẵng. Tổng số tiền hoạt động xã hội năm 2021 gần 370 triệu đồng.

Trong năm 2021, Công ty đã vận động CBNV đóng góp vào Quỹ “Vòng tay yêu thương” với tổng số tiền là 25,95 triệu đồng để hỗ trợ cho trẻ em mồ côi có hoàn cảnh gia đình khó khăn tại khu vực NMTĐ Krông H'nhăng và NMTĐ Khe Diên. Ngoài ra Công ty còn trích từ Quỹ phúc lợi để hỗ trợ thêm 1,5 triệu đồng/tháng/người cho 02 học sinh thuộc xã Cư Prao, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk và 03 học sinh thuộc xã Ealy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, hỗ trợ 1 triệu đồng/tháng/người cho 03 học sinh thuộc xã Sơn Viên, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Số tiền Công ty trích từ Quỹ phúc lợi cho chương trình này đến hôm nay là 63 triệu đồng.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2021, công ty Sông Ba không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường. Các nghĩa vụ nộp thuế và phí dịch vụ bảo vệ rừng đều được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tham gia bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ môi trường tại khu vực nhà máy thủy điện luôn xanh, sạch, đẹp.

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Tổ Công đoàn nhà máy đã phát động phong trào trồng rau sạch, góp một phần nhỏ vào bữa ăn của CBNV tại bếp ăn tập thể. Với phương châm “Đoàn kết là sức mạnh”, cùng những việc làm thiết thực như trên đã tạo nên sự gắn gũi, tinh thần đoàn kết gắn bó trong mỗi CBNV tại nhà máy. Đây cũng là dịp để mỗi CBNV nhà máy thể hiện được cách sống có trách nhiệm với môi trường cũng như trong công việc thường ngày, để từ đó góp thêm sức lực của mình đưa Công ty ngày càng phát triển.



CHƯƠNG VI

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- 78 Hội đồng quản trị
- 84 Ban Kiểm soát
- 86 Các giao dịch, thu lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông THÁI HỒNG QUÂN - Chủ tịch HĐQT

Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 0 CP

Số cổ phiếu làm người đại diện phần vốn của EVNCPC: 11.822.500 cp (19,5451%)

Ông ĐINH CHÂU HIẾU THIỆN - Thành viên HĐQT

(Xem thông tin tại danh sách ban điều hành)

Ông PHẠM PHONG - Thành viên HĐQT

(Xem thông tin tại danh sách ban điều hành)

Ông NGUYỄN QUANG HÙNG - Thành viên HĐQT

Số cổ phần cá nhân sở hữu tại công ty: 4.620 CP

Tỷ lệ cá nhân sở hữu: 0,0076%

Số cổ phiếu làm người đại diện phần vốn của EVNCPC: 4.729.000 cp (7,8180%)

Ông HOÀNG NAM SƠN - Thành viên HĐQT

Số cổ phần cá nhân sở hữu tại công ty: 44.909 cổ phần.

Tỷ lệ cá nhân sở hữu: 0,0742%

TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổ kiểm toán nội bộ là tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 05 thành viên. HĐQT đã tổ chức họp định kỳ theo quy định (1 lần/quý) và các cuộc họp đột xuất khác để giải quyết những công việc thường xuyên và cấp bách. HĐQT mời Ban kiểm soát Công ty tham dự tất cả các cuộc họp. Vì vậy, công tác chỉ đạo, quản lý điều hành được thực hiện nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

Thông tin về thành viên HĐQT Công ty và các phiên họp HĐQT trong năm 2021:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Thái Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	6	100%
2	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện	Thành viên HĐQT	6	100%
3	Ông Phạm Phong	Thành viên HĐQT	6	100%
4	Ông Nguyễn Quang Hùng	Thành viên HĐQT	6	100%
5	Ông Hoàng Nam Sơn	Thành viên HĐQT	6	100%

Trong năm qua, HĐQT Công ty đã ban hành 07 Nghị quyết, 25 Quyết định và nhiều văn bản để giải quyết những vấn đề quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng. Các nội dung nghị quyết của HĐQT đều được các thành viên thống nhất 100%.

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/21/NQ-HĐQT	26/01/2021	Thông qua kết quả SXKD quý 4, cả năm 2020; Kế hoạch SXKD năm 2021, quý 1/2021 Công ty và các nội dung quan trọng khác liên quan
2	02/21/NQ-HĐQT	19/04/2021	Thông qua kết quả SXKD quý 1/2021, kế hoạch quý 11/2021 và các nội dung khác liên quan.
3	03/21/NQ-HĐQT	25/05/2021	Nghị quyết Hội đồng quản trị về chấp thuận đơn từ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Thống nhất bầu Chủ tịch HĐQT mới, miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc
4	04/21/NQ-HĐQT	09/8/2021	Thông qua vay vốn ngắn hạn và hạn mức bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Trung Việt phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	05/21/NQ-HĐQT	06/9/2021	Thông qua kết quả SXKD quý 11/2021, kế hoạch quý III/2021 và các nội dung khác liên quan
6	06/21/NQ-HĐQT	26/10/2021	Thông qua kết quả SXKD quý III/2021, kế hoạch quý IV/2021 và các nội dung khác liên quan
7	07/21/NQ-HĐQT	10/11/2021	Phê duyệt phương án phát hành Trái phiếu của Công ty cổ phần Sông Ba với hình thức riêng lẻ, không chuyển đổi và không kèm chứng quyền.
8	01/21/QĐ-S3-HĐQT	03/02/2021	Ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty
9	02/21/QĐ-HĐQT	01/04/2021	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
10	03/21/QĐ-S3-HĐQT	31/05/2021	Thành lập Tổ kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty cổ phần Sông Ba
11	04/21/QĐ-S3-HĐQT	31/05/2021	Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần Sông Ba
12	05/21/QĐ-S3-HĐQT	21/06/2021	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Ba
13	06/21/QĐ-S3-HĐQT	28/06/2021	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Ba
14	07/21/QĐ-S3-HĐQT	28/06/2021	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sông Ba
15	08/21/QĐ-S3-HĐQT	30/06/2021	Thường quản lý điều hành Công ty năm 2020
16	09/21/QĐ-S3-HĐQT	30/06/2021	Khen thưởng đối với Tổng giám đốc Công ty do đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức thực hiện Dự án mở rộng NMTD Khe Diên
17	10/21/QĐ-S3-HĐQT	01/07/2021	Chấm dứt Hợp đồng Giám đốc điều hành.
18	11/21/QĐ-S3-HĐQT	05/07/2021	Chọn Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
19	12/21/QĐ-S3-HĐQT	06/07/2021	Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.
20	13/21/QĐ-S3-HĐQT	06/07/2021	Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
21	15/21/QĐ-S3-HĐQT	19/07/2021	Thành lập Tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành - Dự án mở rộng NMKD
22	16/21/QĐ-S3-HĐQT	30/07/2021	Bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc CN Công ty CP Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập
23	17/21/QĐ-S3-HĐQT	02/08/2021	Mức lương của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Ba
24	18/21/QĐ-S3-HĐQT	02/08/2021	Hệ số lương tham gia BHXH, BHYT, BHTN của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Ba
25	19/21/QĐ-S3-HĐQT	20/08/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch xử lý hư hỏng các kết cấu làm mát máy phát Tổ máy H2 - NMTD Khe Diên
26	20/21/QĐ-S3-HĐQT	07/09/2021	Phân công trong Hội đồng quản trị Công ty
27	21/21/QĐ-S3-HĐQT	07/09/2021	Ban hành Quy định phân cấp quản lý của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Ba
28	22/21/QĐ-S3-HĐQT	15/09/2021	Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổ chức và Quy chế quản lý nội bộ Công ty cổ phần Sông Ba
29	23/21/QĐ-S3-HĐQT	30/09/2021	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Khe Diên.
30	24/21/QĐ-S3-HĐQT	08/10/2021	Ban hành Quy chế lương Công ty cổ phần Sông Ba.
31	25/21/QĐ-S3-HĐQT	27/10/2021	Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền đối với cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Ba.
32	26/21/QĐ-S3-HĐQT	21/12/2021	Phê duyệt phương án nâng cấp tổng thể hệ thống hạ tầng CNTT phục vụ chuyên đổi số Công ty cổ phần Sông Ba

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

HĐQT Công ty có 01 thành viên độc lập, được phân công trực tiếp phụ trách các vấn đề liên quan về rủi ro của Công ty; theo dõi, chỉ đạo trong hoạt động tổ chức xây dựng hệ thống quy chế, quy định áp dụng trong Công ty. Thành viên độc lập đã thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, góp phần vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ chung của HĐQT Công ty.

Thành viên độc lập đã đánh giá HĐQT Công ty: làm việc cẩn trọng, hiệu quả, theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao vì sự phát triển chung của Công ty và lợi ích của cổ đông; HĐQT Công ty đã theo dõi, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả; đã giám sát Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và mọi mặt hoạt động của Công ty theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo của mình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Không có

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU	SỐ BUỔI HỌP	TỶ LỆ THAM DỰ CUỘC HỌP
1	Phạm Thị Anh Đào	Trưởng BKS	2.550	0,0042	2	100%
2	Huỳnh Thị Long	Thành viên BKS	-	-	2	100%
3	Đỗ Đạt Quang	Thành viên BKS	-	-	2	100%

Ban kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	SỐ BIÊN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/21/BB-S3-BKS	27-03-21	Họp thông qua báo cáo giám sát kiểm tra hoạt động của Công ty năm 2020.
2	02/21/BB-S3-BKS	15-10-21	Họp thông qua báo cáo giám sát hoạt động Công ty 6 tháng đầu năm 2021, thực hiện chuyên đề kiểm soát năm 2021.

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 25/06/2021.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, hàng năm của Công ty, giám sát việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán tài chính hiện hành trong công tác hạch toán kế toán, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan. Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, kiểm soát chi phí hoạt động, doanh thu, việc sử dụng vốn trong công tác đầu tư xây dựng.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS, HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát: BKS được mời và đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, giám sát đầy đủ hoạt động điều hành của HĐQT trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong các cuộc họp, BKS đã kịp thời khuyến nghị đến HĐQT những vấn đề cần giải quyết để công tác quản lý điều hành hiệu quả hơn. Các khuyến nghị của BKS đều được HĐQT xem xét, xử lý kịp thời để hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định Pháp luật, nâng cao hiệu quả quản trị và đảm bảo quyền lợi cổ đông.

Trong quá trình hoạt động, BKS luôn nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Đơn vị trực thuộc Công ty để BKS thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH 2021

Họ và tên	Chức danh	Lương chuyên trách	Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký	Thường QLĐH năm 2020	Tiền lương sản xuất điện	Tiền lương dịch vụ tư vấn	Thưởng khác (lễ, danh hiệu...)	Tổng thu nhập 2021
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		524.880.000	357.696.000	517.600.000	-	-	-	1.400.176.000
Thái Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT (07/2021-12/2021)	262.440.000	-	48.800.000	-	-	-	311.240.000
	Thành viên HĐQT (01/2021-06/2021)	-	44.712.000	-	-	-	-	44.712.000
Đình Châu Hiếu Thiện	Thành viên HĐQT (07/2021-12/2021)	262.440.000	-	195.400.000	-	-	-	457.840.000
	Chủ tịch HĐQT (01/2021-07/2021)	-	44.712.000	-	-	-	-	44.712.000
Phạm Phong	Thành viên HĐQT	-	89.424.000	175.800.000	-	-	-	265.224.000
Nguyễn Quang Hùng	Thành viên HĐQT	-	89.424.000	48.800.000	-	-	-	138.224.000
Hoàng Nam Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	-	89.424.000	48.800.000	-	-	-	138.224.000
BAN KIỂM SOÁT		288.000.000	172.800.000	87.800.000	-	-	114.720.000	663.320.000
Phạm Thị Anh Đào	Trưởng BKS	288.000.000	-	48.800.000	-	-	102.300.000	439.100.000
Huỳnh Thị Long	Thành viên BKS	-	86.400.000	19.500.000	-	-	6.210.000	112.110.000
Đỗ Đạt Quang	Thành viên BKS	-	86.400.000	19.500.000	-	-	6.210.000	112.110.000
BAN ĐIỀU HÀNH		-	60.000.000	234.300.000	3.391.418.205	557.427.786	1.178.645.610	5.421.791.601
Đình Châu Hiếu Thiện	Tổng Giám đốc (07/2021-12/2021)	-	-	-	315.146.739	-	95.146.892	410.293.631
Phạm Phong	Tổng Giám đốc (01/2021-06/2021)	-	-	-	683.530.223	319.239.440	296.626.680	1.299.396.343
Thái Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc (01/2021-06/2021)	-	-	-	277.213.672	20.646.193	24.348.703	322.208.568
Nguyễn Thế Duy	Phó TGD Kinh doanh	-	60.000.000	78.100.000	701.988.921	82.570.975	257.628.206	1.180.288.102
Phạm Đình Thạnh	Phó TGD Kỹ thuật	-	-	78.100.000	676.752.157	69.881.225	255.696.266	1.080.429.648
Phạm Thái Hùng	Kế Toán trưởng	-	-	78.100.000	736.786.493	65.089.953	249.198.863	1.129.175.309

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Tổng Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.





CHƯƠNG VII

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN 2021**



Số: 525/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Ba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 30/03/2022 của Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Đỗ Thị Phụng Thủy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.541.282.461	106.732.921.842
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.865.726.393	12.017.851.625
1. Tiền	111		40.865.726.393	12.017.851.625
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.592.203.415	86.848.505.035
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	92.396.147.925	78.514.138.212
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.669.994.272	2.323.003.416
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	1.526.061.218	6.011.363.407
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.946.458.898	2.852.848.983
1. Hàng tồn kho	141		1.946.458.898	2.852.848.983
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.136.893.755	5.013.716.199
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	2.435.042.137	1.623.991.926
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		701.851.618	3.352.474.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	37.249.963
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.153.138.953.744	1.210.615.222.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.004.000.000	2.004.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	2.004.000.000	2.004.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.137.437.360.938	1.182.480.556.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.132.262.099.138	1.177.305.295.038
- Nguyên giá	222		1.689.258.148.089	1.680.852.603.981
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(556.996.048.951)	(503.547.308.943)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	5.175.261.800	5.175.261.800
- Nguyên giá	228		5.478.061.800	5.478.061.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(302.800.000)	(302.800.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.867.514.787	8.721.214.787
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	8.867.514.787	8.721.214.787
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.830.078.019	17.409.451.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	4.830.078.019	17.409.451.072
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.295.680.236.205	1.317.348.144.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

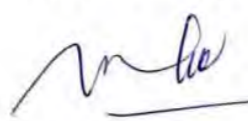
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		440.258.319.127	513.080.977.264
I. Nợ ngắn hạn	310		176.684.059.846	186.794.762.808
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.102.735.177	2.280.124.938
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.166.000.000	1.166.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	26.335.447.965	28.619.932.327
4. Phải trả người lao động	314		5.263.004.702	7.211.570.682
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.329.235.505	4.595.566.188
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	33.204.650.037	38.251.795.100
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	106.387.613.505	102.823.995.530
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		895.372.955	1.845.778.043
II. Nợ dài hạn	330		263.574.259.281	326.286.214.456
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	263.574.259.281	326.286.214.456
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		855.421.917.078	804.267.167.275
I. Vốn chủ sở hữu	410		855.421.917.078	804.267.167.275
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	604.882.610.000	604.882.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		604.882.610.000	604.882.610.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	20	(2.405.771.754)	(2.405.771.754)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	53.979.929.268	48.955.973.929
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	198.965.149.564	152.834.355.100
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	81.806.133.306	50.957.901.931
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	117.159.016.258	101.876.453.169
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.295.680.236.205	1.317.348.144.539

 Tổng Giám đốc
Đinh Châu Hiếu Thiện
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng


Phạm Thái Hùng

Người lập biểu


Trương Ngọc Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

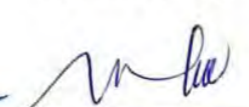
Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	314.881.037.813	298.214.988.810
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		314.881.037.813	298.214.988.810
4. Giá vốn hàng bán	11	22	136.226.925.331	133.759.499.247
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		178.654.112.482	164.455.489.563
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	222.717.668	22.466.935
7. Chi phí tài chính	22	24	34.321.369.248	39.680.667.265
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.103.383.839	39.589.870.465
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	17.858.007.752	15.733.465.838
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		126.697.453.150	109.063.823.395
11. Thu nhập khác	31	26	953.999.577	459.004.397
12. Chi phí khác	32	27	3.709.549.399	593.963.386
13. Lợi nhuận khác	40		(2.755.549.822)	(134.958.989)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		123.941.903.328	108.928.864.406
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	6.782.887.070	7.052.411.237
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		117.159.016.258	101.876.453.169
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.943	1.595
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	1.943	1.595

 Tổng Giám đốc
Đinh Châu Hiếu Thiện
Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng


Phạm Thái Hùng

Người lập biểu


Trương Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	302.174.157.126	249.289.751.438
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(68.683.856.079)	(63.121.546.722)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.313.901.964)	(17.873.110.245)
4. Tiền lãi vay đã trả	04 17, 24	(34.127.290.625)	(39.603.495.282)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 16	(7.670.541.404)	(4.148.013.937)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	33.022.863.374	27.117.079.754
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(40.028.264.402)	(32.663.346.586)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	162.373.166.026	118.997.318.420
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(9.561.180.319)	(53.766.257.056)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 23	222.717.668	22.466.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.338.462.651)	(53.743.790.121)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33 19	44.066.567.437	66.875.781.589
2. Tiền trả nợ gốc vay	34 19	(102.823.995.546)	(90.769.537.907)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36 18,20	(65.429.400.498)	(42.341.825.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(124.186.828.607)	(66.235.581.938)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	28.847.874.768	(982.053.639)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	12.017.851.625	12.999.905.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	40.865.726.393	12.017.851.625



Tổng Giám đốc

Đình Châu Hiếu Thiện

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Người lập biểu

Trương Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sông Ba (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba thành Công ty Cổ phần (Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0400439955 ngày 04/07/2007 (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/07/2021). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn kiểm định, giám định chất lượng đập và công trình xây dựng thủy điện; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, hạ tầng cấp nước sinh hoạt nông thôn); Tư vấn điều tra, thu thập, tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn các giai đoạn xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hồ nuôi trồng thủy sản, công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển; Tư vấn giám định chất lượng các loại công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30MW, đường dây điện và trạm biến áp đến 110KV; Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện; Xây dựng các công trình xây dựng vừa và nhỏ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác khoáng sản; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cơ điện;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu chế tạo phần cơ khí, phần điện thuộc nhà máy thủy điện; Chuyển giao công nghệ về kỹ thuật xây dựng, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê đất, nhà xưởng, kho bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 3 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Khe Diên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Nhà máy Thủy điện Krông H' năng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Ba - Trung tâm Tư vấn và Kiểm định an toàn đập.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Trong đó, thời gian khấu hao của các TSCĐ thuộc Nhà máy thủy điện Krông H' năng áp dụng tại Công ty dài hơn so với thời gian khấu hao quy định. Việc điều chỉnh này đã được Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 293/QĐ-STC ngày 29/06/2011. Theo đó, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	15

Để đảm bảo việc khấu hao phù hợp với tình hình sử dụng thực tế và tính chất thủy văn của sản xuất thủy điện, riêng các TSCĐ sử dụng trực tiếp tại Nhà máy thủy điện Khe Diên và Nhà máy thủy điện Krông H' năng được khấu hao theo phương pháp sản lượng. Cụ thể:

$$\text{Mức trích khấu hao trong kỳ} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian khấu hao của TSCĐ theo đăng ký với Cơ quan thuế}} \times \frac{\text{Công suất thiết kế bình quân mỗi năm}}{\text{Sản lượng điện thực tế đã phát trong kỳ}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng;
- Chi phí bảo hiểm tài sản, xe ô tô: được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn mua trong hợp đồng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại các hợp đồng kinh tế. Cụ thể:
 - ✓ Đối với Nhà máy Thủy điện Khe Diên: Căn cứ theo Hợp đồng số 05/2011/KHEDIEN/EVNCPC-SBA ngày 31/05/2011 và Phụ lục số 12 ngày 24/02/2021 với Tổng Công ty Điện lực miền Trung: đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam ban hành hàng năm.
 - ✓ Đối với Nhà máy Thủy điện Krông H'nh: Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số 06/2012/HĐ-NMD-KRH ngày 10/06/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 08 ngày 05/03/2021 với Tập đoàn điện lực Việt Nam: theo giá phát điện cạnh tranh.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm; Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Khe Diên: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Khe Diên mở rộng: Áp dụng mức thuế suất là 20%, được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi dự án đầu tư mở rộng Nhà máy thủy điện Khe Diên hoàn thành và đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập. Năm 2021 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Khe Diên mở rộng có thu nhập chịu thuế. Theo đó, thu nhập từ Nhà máy thủy điện Khe Diên mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2021 đến năm 2024 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2025 đến năm 2033.

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại khoản 4, Điều 10 và Điều 12 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính.

- ✓ Đối với Nhà máy thủy điện Krông H'ăng: Áp dụng mức thuế suất là 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2010 đến năm 2024), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Krông H'ăng có thu nhập chịu thuế. Theo đó, thu nhập từ Nhà máy thủy điện Krông H'ăng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến năm 2022.

Những ưu đãi trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 36121000085 ngày 03 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên.

- ✓ Hoạt động khác: Áp dụng thuế suất là 20%.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	862.644.044	854.816.211
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.003.082.349	11.163.035.414
Cộng	40.865.726.393	12.017.851.625

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	9.621.260.750	13.662.965.831
Công ty Mua bán điện	80.289.822.660	61.901.083.909
Các đối tượng khác	2.485.064.515	2.950.088.472
Cộng	92.396.147.925	78.514.138.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Môi quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư	9.621.260.750	13.662.965.831
Công ty Mua bán điện	Cùng Tập đoàn với Công ty đầu tư	80.289.822.660	61.901.083.909
Cộng		89.911.083.410	75.564.049.740

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP XD & TM DV Tuấn Minh	735.154.976	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng điện	540.000.000	-
Công ty CP Phú An Dương	438.014.847	438.014.847
Công ty CP Xây dựng Công trình Đại Lộc	300.012.933	-
Các đối tượng khác	656.811.516	1.884.988.569
Cộng	2.669.994.272	2.323.003.416

8. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	810.281.033	-	3.595.447.738	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	682.258.046	-
Phải thu khác	715.780.185	-	1.733.657.623	-
Cộng	1.526.061.218	-	6.011.363.407	-

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.004.000.000	-	2.004.000.000	-
Cộng	2.004.000.000	-	2.004.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	934.687.250	-	953.015.946	-
Công cụ, dụng cụ	837.185.800	-	841.075.800	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	174.585.848	-	1.058.757.237	-
Cộng	1.946.458.898	-	2.852.848.983	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 31/12/2021.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

10. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí sửa chữa tài sản	2.168.177.615	1.482.846.979
Chi phí bảo hiểm	131.137.518	141.144.947
Chi phí trồng và chăm sóc rừng NMTĐ Krông H'nh	135.727.004	-
Cộng	2.435.042.137	1.623.991.926

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc NMTĐ Krông H'nh	265.151.517	1.060.606.061
Chi phí thi công xây dựng công trình rãnh thoát nước hạ lưu đập đất NMTĐ Krông H'nh	152.246.692	608.986.764
Chi phí xử lý thi công thám rò nước đường hầm NMTĐ Krông H'nh	752.582.026	2.558.778.894
Chi phí trung tu tổ máy, sửa chữa bảo dưỡng,... NM Khe Diên	1.897.622.931	6.042.487.463
Đường tránh mỏ than Nông Sơn - NM Khe Diên	1.299.753.495	3.032.758.151
Cải tạo hệ thống tổng đài nội bộ nhà máy Krông H'nh	121.068.291	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	341.653.067	358.503.079
Chi phí trả trước khác	-	3.747.330.660
Cộng	4.830.078.019	17.409.451.072

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	1.213.202.011.691	385.265.913.961	81.836.738.864	547.939.465	1.680.852.603.981
Tăng trong kỳ	2.953.086.781	5.245.620.963	-	206.836.364	8.405.544.108
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.216.155.098.472	390.511.534.924	81.836.738.864	754.775.829	1.689.258.148.089
Khấu hao					
Số đầu kỳ	246.648.228.381	209.484.374.114	47.005.404.598	409.301.850	503.547.308.943
Khấu hao trong kỳ	25.747.592.324	22.520.647.426	5.087.690.169	92.810.089	53.448.740.008
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	272.395.820.705	232.005.021.540	52.093.094.767	502.111.939	556.996.048.951
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	966.553.783.310	175.781.539.847	34.831.334.266	138.637.615	1.177.305.295.038
Số cuối kỳ	943.759.277.767	158.506.513.384	29.743.644.097	252.663.890	1.132.262.099.138

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.128.260.798.091 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 18.669.445.637 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại các tài sản cố định có giá trị lớn trong tương lai.
- Căn cứ theo quyết định số 293/QĐ – STC ngày 29/06/2011 của Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng về việc “Phê duyệt phương án thay đổi thời gian sử dụng tài sản cố định”, Công ty đã thực hiện việc điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích của phần lớn các tài sản cố định thuộc Nhà máy thủy điện Krông H'nh kể từ năm 2011. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện việc thay đổi phương pháp tính khấu hao (từ phương pháp khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng) đối với các tài sản tham gia trực tiếp sản xuất điện năng và đã gửi công văn thông báo cho Cục thuế (số 223/11/S3-TC ngày 09/06/2011).
- Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Theo đó tại khoản c, điểm 2, điều 13 quy định một trong các điều kiện áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm là công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế. Ngày 31/07/2013, SBA đã có Công văn số 279/13/S3-TCKT gửi đến Bộ Tài chính đề nghị cho ý kiến hướng dẫn về việc áp dụng đúng quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC vào thực tế hoạt động của Công ty. Ngày 14/10/2013, Bộ Tài chính đã có Công văn số 13633/BTC-TCĐN đồng ý cho Công ty Cổ phần Sông Ba tiếp tục trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao theo sản lượng, khối lượng sản phẩm đối với các TSCĐ trực tiếp tham gia sản xuất điện năng mà Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Đà Nẵng trong trường hợp không đạt 100% công suất thiết kế với điều kiện phải đảm bảo cân đối đủ nguồn trả nợ vay đầu tư của các tổ chức tín dụng và thời gian trích khấu hao không được vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	5.175.261.800	302.800.000	5.478.061.800
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	5.175.261.800	302.800.000	5.478.061.800
Khấu hao			
Số đầu kỳ	-	302.800.000	302.800.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	302.800.000	302.800.000
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	5.175.261.800	-	5.175.261.800
Số cuối kỳ	5.175.261.800	-	5.175.261.800

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; diện tích: 410,5 m², được sử dụng để làm Văn phòng Công ty.

Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt (trình bày tại Thuyết minh số 19).

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 302.800.000 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Xây dựng cơ bản	8.867.514.787	8.721.214.787
- Nhà máy thủy điện Krông H' năng 2	3.475.284.736	3.475.284.736
- Nhà máy thủy điện Sông Tranh 1	5.245.930.051	5.245.930.051
- Hệ thống chuyển đổi số	146.300.000	-
Cộng	8.867.514.787	8.721.214.787

Dự án NMTĐ Krông H' năng 2 có tổng mức đầu tư là 407.915.000.000 đồng và dự án NMTĐ Sông Tranh 1 có tổng mức đầu tư là 552.646.106.000 đồng. Hai dự án trên đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Công thương phê duyệt để điều chỉnh quy hoạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	361.028.601	-
Công ty TNHH Công nghệ thông tin P&L	177.250.250	-
Công ty Cổ phần 6.3	534.390.293	754.689.703
Công ty Cổ phần Hùng Trang	270.804.462	270.804.462
Các đối tượng khác	759.261.571	1.254.630.773
Cộng	2.102.735.177	2.280.124.938

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Phú Yên	482.000.000	482.000.000
Sở khoa học và Công nghệ Tỉnh Quảng Nam	684.000.000	684.000.000
Cộng	1.166.000.000	1.166.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	10.884.489.739	-	25.891.478.572	26.818.176.618	9.957.791.693	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.789.438.392	-	6.782.887.070	7.670.541.404	2.901.784.058	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	37.249.963	4.417.360.436	2.278.838.594	2.101.271.879	-
Thuế tài nguyên	10.060.782.244	-	22.073.089.313	24.415.103.334	7.718.768.223	-
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Tiền dịch vụ môi trường rừng	3.885.221.952	-	8.524.073.880	8.753.463.720	3.655.832.112	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	2.557.189.000	2.557.189.000	-	-
Cộng	28.619.932.327	37.249.963	70.252.078.271	72.499.312.670	26.335.447.965	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Lãi vay phải trả	180.742.341	213.690.223
Lãi chậm trả cổ tức	44.050.959	90.796.800
Lãi trái phiếu phát hành	9.041.096	-
Chi phí khảo sát lập DADT, quản lý dự án Sông Bung 3A	822.297.432	828.292.043
Các khoản chi phí trích trước khác	273.103.677	3.462.787.122
Cộng	1.329.235.505	4.595.566.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Cổ tức phải trả	33.096.178.477	38.240.407.975
Phải trả khác	108.471.560	11.387.125
Cộng	33.204.650.037	38.251.795.100

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	7.896.949.478	14.066.567.437	7.896.949.478	14.066.567.437
- HD số 0158/CTV/HĐTDHM	7.896.949.478	14.066.567.437	7.896.949.478	14.066.567.437
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	94.927.046.052	92.321.046.084	94.927.046.068	92.321.046.068
- HD số 024/2015/HĐTD-DN	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
- HD số 0058/2019/HĐTD-OCB-DN	19.247.000.000	16.641.000.000	19.247.000.000	16.641.000.000
- HD số 0057/2019/HĐTD-OCB-DN	3.680.046.052	3.680.046.084	3.680.046.068	3.680.046.068
Cộng	102.823.995.530	106.387.613.521	102.823.995.546	106.387.613.505

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	421.213.260.508	-	94.927.046.068	326.286.214.440
- HD số 024/2015/HĐTD-DN	300.000.000.000	-	72.000.000.000	228.000.000.000
- HD số 0058/2019/HĐTD-OCB-DN	52.470.000.000	-	19.247.000.000	33.223.000.000
- HD số 0057/2019/HĐTD-OCB-DN	68.743.260.508	-	3.680.046.068	65.063.214.440
Trái phiếu phát hành (SBAH2125001)	-	30.000.000.000	390.909.091	29.609.090.909
Cộng	421.213.260.508	30.000.000.000	95.317.955.159	355.895.305.349
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	94.927.046.052			92.321.046.068
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	326.286.214.456			263.574.259.281

Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) theo các hợp đồng vay vốn tín dụng:

- Hợp đồng vay dài hạn số 0058/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 26/03/2019 với hạn mức 90.734.000.000 đồng, thời hạn vay 61 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên tại OCB – Chi nhánh Trung Việt. Lãi suất được điều chỉnh theo thông báo 6 tháng/1 lần. Mục đích của khoản vay: Tái tài trợ khoản vay của Công ty CP Sông Ba tại Vietcombank để bù đắp vốn tự có của Công ty Cổ phần Sông Ba đã tham gia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vào dự án Nhà máy thủy điện Khe Diên theo các hợp đồng tín dụng số 34/2013/VCB/KHDN ngày 07/02/2013 và số 162/2014/VCB-KHDN ngày 14/05/2014, với số dư nợ lần lượt là 22.100.000.000 đồng và 68.634.000.000 đồng. Khoản vay được bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và Nhà máy thủy điện Khe Diên.

- Hợp đồng vay dài hạn số 0057/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 26/03/2019 với hạn mức 72.000.000.000 đồng, thời hạn vay 132 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên tại OCB – Chi nhánh Trung Việt. Lãi suất vay theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng/1 lần. Mục đích của khoản vay để đầu tư Dự án Mở rộng NMTĐ Khe Diên từ công suất thiết kế 9MW lên 15MW. Khoản vay được bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất lâu dài tại 573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Nhà máy thủy điện Khe Diên và Nhà máy thủy điện Krông H' năng.
- Hợp đồng vay dài hạn số 024/2015/HĐTD-DN ngày 26/03/2015 với hạn mức 620.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên tại OCB – CN Quảng Nam. Khoản vay này được chuyển giao dịch về Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Trung Việt theo Thông báo ngày 01/04/2017 V/v chuyển giao dịch của Công ty Cổ phần Sông Ba về Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Trung Việt, lãi suất được điều chỉnh theo thông báo 1 quý/1 lần. Mục đích của khoản vay nhằm tái tài trợ dự án thủy điện Krông H' năng (cho vay mua nợ của Công ty Cổ phần Sông Ba tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên). Hình thức bảo đảm tiền vay: Nhà máy thủy điện Krông H' năng.

c. Trái phiếu phát hành

	31/12/2021					
	Giá gốc trái phiếu	Tổng chi phí phát hành	Chi phí phát hành phân bổ lũy kế	Giảm trong kỳ	Giá trị trái phiếu cuối kỳ	Lãi suất
giá	30.000.000.000	390.909.091	-	-	29.609.090.909	
- Trái phiếu SBAH2125001 kỳ hạn 4 năm	30.000.000.000	390.909.091	-	-	29.609.090.909	Cố định 11%/năm

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	604.882.610.000	(2.381.126.754)	39.282.271.715	138.298.908.452	780.082.663.413
Tăng trong kỳ	-	(24.645.000)	9.673.702.214	101.876.453.169	111.525.510.383
Giảm trong kỳ	-	-	-	87.341.006.521	87.341.006.521
Số dư tại 31/12/2020	604.882.610.000	(2.405.771.754)	48.955.973.929	152.834.355.100	804.267.167.275
Số dư tại 01/01/2021	604.882.610.000	(2.405.771.754)	48.955.973.929	152.834.355.100	804.267.167.275
Tăng trong kỳ	-	-	5.023.955.339	117.159.016.258	122.182.971.597
Giảm trong kỳ	-	-	-	71.028.221.794	71.028.221.794
Số dư tại 31/12/2021	604.882.610.000	(2.405.771.754)	53.979.929.268	198.965.149.564	855.421.917.078

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	604.882.610.000	604.882.610.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	604.882.610.000	604.882.610.000
Cổ tức đã chia	60.285.171.000	72.342.205.200

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.488.261	60.488.261
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	60.488.261	60.488.261
- Cổ phiếu phổ thông	60.488.261	60.488.261
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	203.090	203.090
- Cổ phiếu phổ thông	203.090	203.090
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.285.171	60.285.171
- Cổ phiếu phổ thông	60.285.171	60.285.171
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	152.834.355.100	138.298.908.452
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	117.159.016.258	101.876.453.169
Phân phối lợi nhuận	71.028.221.794	87.341.006.521
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	71.028.221.794	87.341.006.521
+ Quỹ đầu tư phát triển	5.023.955.339	9.673.702.214
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.014.373.204	2.902.110.664
+ Quỹ thưởng Ban điều hành	1.307.375.867	1.382.588.443
+ Chi trả cổ tức	60.285.171.000	72.342.205.200
+ Thù lao HĐQT & BKS	1.397.346.384	1.040.400.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	198.965.149.564	152.834.355.100

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2021 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (tương ứng 60.285.171.000 đồng).

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán điện	311.511.462.819	290.701.616.623
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.369.574.994	7.513.372.187
Cộng	314.881.037.813	298.214.988.810

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn bán điện	132.983.783.465	126.763.165.676
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	3.243.141.866	6.996.333.571
Cộng	136.226.925.331	133.759.499.247

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	222.717.668	22.466.935
Cộng	222.717.668	22.466.935

24. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	34.094.342.743	39.589.870.465
Lãi chậm thanh toán cổ tức	217.985.409	90.796.800
Lãi trái phiếu	9.041.096	-
Cộng	34.321.369.248	39.680.667.265

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	356.118.448	218.759.322
Chi phí nhân công	13.251.472.116	12.320.224.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.269.233	268.004.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.310.014.200	1.370.470.960
Các khoản khác	2.647.133.755	1.556.005.702
Cộng	17.858.007.752	15.733.465.838

26. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	561.773.719	-
Thu sử dụng điện NM Khe Diên	92.402.031	-
Thu sử dụng điện NM Krông H'năng	299.823.827	394.749.355
Các khoản khác	-	64.255.042
Cộng	953.999.577	459.004.397

27. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí xử lý khắc phục hư hỏng do mưa lũ năm 2020 tại NM Khe Diên	2.915.234.179	-
Chi phí tiền điện NM Khe Diên	92.402.031	-
Chi phí tiền điện NM Krông H'năng	299.823.827	318.798.674
Tiền chậm nộp thuế, phí	402.089.362	275.164.712
Cộng	3.709.549.399	593.963.386

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	123.941.903.328	108.928.864.406
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Khe Diên	5.012.641.286	9.922.653.035
- Hoạt động chính của NM Thủy điện Krông H'năng	118.625.406.884	98.490.791.148
- Hoạt động chính của Văn phòng Công ty & TTTVKĐAT đập	303.855.158	515.420.223
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.341.613.077	472.694.665
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	1.341.613.077	472.694.665
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	205.221.829	8.140.801
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	1.000.854.030	361.879.355
+ Văn phòng Công ty & TTTV-KĐ AT đập	135.537.218	102.674.509
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	125.283.516.405	109.401.559.071
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Khe Diên	5.217.863.115	9.930.793.836
- Thu nhập từ hoạt động của NM Thủy điện Krông H'năng	119.626.260.914	98.852.670.503
- Thu nhập từ hoạt động của Văn phòng Công ty & TTTV-KĐ AT đập	439.392.376	618.094.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.094.077.188	11.995.044.763
+ NM Thủy điện Khe Diên	1.043.572.623	1.986.158.768
+ NM Thủy điện Krông H'năng	11.962.626.091	9.885.267.049
+ Văn phòng Công ty & TTTV-KĐ AT đập	87.878.474	123.618.946
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	6.311.190.118	4.942.633.526
+ NM Thủy điện Khe Diên (ưu đãi miễn thuế DADT mới)	329.877.072	-
+ NM Thủy điện Krông H'năng (50%)	5.981.313.046	4.942.633.526

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6.782.887.070	7.052.411.237
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	6.782.887.070	7.052.411.237
+ Nhà máy Thủy điện Khe Diên	713.695.551	1.986.158.768
+ Nhà máy Thủy điện Krông H'năng	5.981.313.045	4.942.633.523
+ Văn phòng Công ty & TTTV-KĐ AT đập	87.878.474	123.618.946

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	117.159.016.258	101.876.453.169
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(5.719.095.455)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng BDH, thù lao HĐQT và BKS)	-	5.719.095.455
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	117.159.016.258	96.157.357.714
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	60.285.171	60.285.927
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.943	1.595

- Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” năm 2021 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau này.

- Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” năm 2020 được tính lại căn cứ vào số liệu phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2021. Theo đó, Đại hội thông qua số liệu trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi này, khen thưởng Ban điều hành và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát là 5.719.095.455 đồng.

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.913.826.003	10.709.079.029
Chi phí nhân công	25.052.139.957	23.209.834.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.448.740.008	49.149.800.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.396.552.303	20.278.051.843
Chi phí khác bằng tiền	49.389.503.423	47.142.241.450
Cộng	153.200.761.694	150.489.007.349

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất điện năng và ba bộ phận địa lý chính là Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Đắk Lắk và Tỉnh Phú Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	NMTD Khe Diên - Tỉnh Q.Nam		NMTD Krông H'Năng - Tỉnh Đắk Lắk & Phú Yên		VPCT & TTTV-KD AT đáp		Tổng cộng	
	Năm 2021	VND	Năm 2020	VND	Năm 2021	VND	Năm 2020	VND
Doanh thu bán hàng & CC d.vụ	65.054.369.075	53.788.423.452	246.457.093.744	236.913.193.171	3.369.574.994	7.513.372.187	314.881.037.813	298.214.988.810
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	41.941.051.607	32.980.461.251	91.042.731.858	93.782.704.425	3.243.141.866	6.996.333.571	136.226.925.331	133.759.499.247
Doanh thu hoạt động tài chính	248.400	87.400	227.800	430.700	222.241.468	21.948.835	222.717.668	22.466.935
Chi phí tài chính	10.098.850.504	6.863.677.331	24.192.161.679	32.750.127.988	30.357.065	66.861.946	34.321.369.248	39.680.667.265
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.629.625.197	4.089.529.116	12.218.415.094	11.628.918.635	9.967.461	15.018.087	17.858.007.752	15.733.465.838
Lợi nhuận thuần h.động KD	7.385.090.167	9.854.843.154	119.004.012.913	98.751.872.823	308.350.070	457.107.418	126.697.453.150	109.063.823.395
Thu nhập khác	654.175.750	127.036.944	-	880	299.823.827	331.966.573	953.999.577	459.004.397
Chi phí khác	3.026.624.631	59.227.063	378.606.029	261.082.555	304.318.739	273.653.768	3.709.549.399	593.963.386
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(2.372.448.881)	67.809.881	(378.606.029)	(261.081.675)	(4.494.912)	58.312.805	(2.755.549.822)	(134.958.989)
Lợi nhuận trước thuế	5.012.641.286	9.922.653.035	118.625.406.884	98.490.791.148	303.855.158	515.420.223	123.941.903.328	108.928.864.406
Thuế TNDN	713.695.551	1.986.158.768	5.981.313.045	4.942.633.523	87.878.474	123.618.946	6.782.887.070	7.052.411.237
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.298.945.735	7.936.494.267	112.644.093.839	93.548.157.625	215.976.684	391.801.277	117.159.016.258	101.876.453.169
Tài sản cố định	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản cố định hữu hình	159.485.893.954	164.701.266.482	968.925.587.219	1.008.667.491.722	3.850.617.965	3.936.536.834	1.132.262.099.138	1.177.305.295.038
- Nguyên giá	279.903.523.021	271.740.315.277	1.401.489.956.556	1.401.454.456.556	7.864.668.512	7.657.832.148	1.689.258.148.089	1.680.852.603.981
- Giá trị hao mòn	120.417.629.067	107.039.048.795	432.564.369.337	392.786.964.834	4.014.050.547	3.721.295.314	556.996.048.951	503.547.308.943
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	5.175.261.800	5.175.261.800	5.175.261.800	5.175.261.800
- Nguyên giá	-	-	-	-	5.478.061.800	5.478.061.800	5.478.061.800	5.478.061.800
- Hao mòn lũy kế	-	-	-	-	302.800.000	302.800.000	302.800.000	302.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chính của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Đối với nhóm khách hàng thuộc hoạt động dịch vụ tư vấn, thiết kế, đào tạo vận hành an toàn đập,... Công ty thực hiện chính sách thu ứng trước theo điều khoản hợp đồng. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, Công ty hầu như không có rủi ro tín dụng đối với nhóm khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.102.735.177	-	2.102.735.177
Chi phí phải trả	1.329.235.505	-	1.329.235.505
Vay và nợ thuê tài chính	106.387.613.505	263.574.259.281	369.961.872.786
Phải trả khác	33.204.650.037	-	33.204.650.037
Cộng	143.024.234.224	263.574.259.281	406.598.493.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.280.124.938	-	2.280.124.938
Chi phí phải trả	4.595.566.188	-	4.595.566.188
Vay và nợ thuê tài chính	102.823.995.530	326.286.214.456	429.110.209.986
Phải trả khác	38.251.795.100	-	38.251.795.100

Cộng **147.951.481.756** **326.286.214.456** **474.237.696.212**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.865.726.393	-	40.865.726.393
Phải thu khách hàng	92.396.147.925	-	92.396.147.925
Phải thu khác	715.780.185	2.004.000.000	2.719.780.185

Cộng **133.977.654.503** **2.004.000.000** **135.981.654.503**

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.017.851.625	-	12.017.851.625
Phải thu khách hàng	78.514.138.212	-	78.514.138.212
Phải thu khác	2.415.915.669	2.004.000.000	4.419.915.669

Cộng **92.947.905.506** **2.004.000.000** **94.951.905.506**

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty đầu tư, đồng thời là Công ty con của Tập đoàn Điện lực VN
Công ty mua bán điện	ĐVTN Tập đoàn Điện lực VN

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu bán điện	65.054.369.075	53.788.423.452
	Cổ tức phải trả	23.645.000.000	28.374.000.000
	Cổ tức đã trả	28.374.000.000	-
	Lãi chậm trả cổ tức	264.731.250	90.796.800
Công ty mua bán điện	Doanh thu bán điện	246.457.093.744	236.913.193.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương chuyên trách	Thù lao HDQT, thư ký Công ty	Thưởng QLDH năm 2020	Năm 2021			Tổng thu nhập
						Tiền lương sản xuất điện	Tiền lương dịch vụ tư vấn	Tiền lương khác (lễ, tết, các danh hiệu,...)	
I	Hội đồng quản trị		524.880.000	357.696.000	517.600.000	-	-	-	1.400.176.000
1	Đình Châu Hiếu Thiện Chủ tịch HĐQT (Từ tháng 01-06/2021) Thành viên HĐQT		262.440.000	-	195.400.000	-	-	-	457.840.000
2	Thái Hồng Quân Chủ tịch HĐQT (Từ tháng 07-12/2021)		262.440.000	-	48.800.000	-	-	-	311.240.000
3	Phạm Phong Thành viên HĐQT (Từ tháng 01-06/2021)		-	89.424.000	175.800.000	-	-	-	265.224.000
4	Hoàng Nam Sơn Thành viên HĐQT		-	89.424.000	48.800.000	-	-	-	138.224.000
5	Nguyễn Quang Hùng Thành viên HĐQT		-	89.424.000	48.800.000	-	-	-	138.224.000
II	Ban kiểm soát		288.000.000	172.800.000	87.800.000	-	-	114.720.000	663.320.000
1	Phan Thị Anh Đào Trưởng BKS		288.000.000	-	48.800.000	-	-	-	102.300.000
2	Huyền Thị Long Thành viên BKS		-	86.400.000	19.500.000	-	-	-	112.110.000
3	Đỗ Đạt Quang Thành viên BKS		-	86.400.000	19.500.000	-	-	-	112.110.000
III	Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		-	60.000.000	234.300.000	3.391.418.205	557.427.786	1.178.645.610	5.421.791.601
1	Đình Châu Hiếu Thiện Tổng Giám đốc		-	-	-	315.146.739	-	95.146.892	410.293.631
2	Phạm Phong Tổng Giám đốc		-	-	-	683.530.223	319.239.440	296.626.680	1.299.396.343
3	Thái Hồng Quân Phó Tổng Giám đốc		-	-	-	277.213.672	20.646.193	24.348.703	322.208.568
4	Nguyễn Thế Duy Phó Tổng Giám đốc kinh doanh		-	60.000.000	78.100.000	701.988.921	82.570.975	257.628.206	1.180.288.102
5	Phan Đình Thạnh Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật		-	-	78.100.000	676.752.157	69.881.225	255.696.266	1.080.429.648
6	Phạm Thái Hùng Kế toán trưởng		-	-	78.100.000	736.786.493	65.089.953	249.198.863	1.129.175.309

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

573 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương chuyên trách	Thù lao HDQT, thư ký Công ty	Thưởng QLDH năm 2020	Năm 2020			Tổng thu nhập
						Tiền lương sản xuất điện	Tiền lương dịch vụ tư vấn	Tiền lương khác (lễ, tết, các danh hiệu,...)	
I	Hội đồng quản trị		486.000.000	388.800.000	788.000.000	-	-	93.500.000	1.756.300.000
1	Đình Châu Hiếu Thiện Chủ tịch HĐQT		486.000.000	-	212.000.000	-	-	93.500.000	791.500.000
2	Phạm Phong Phó Chủ tịch HĐQT		-	97.200.000	192.000.000	-	-	-	289.200.000
3	Thái Hồng Quân Thành viên HĐQT		-	48.600.000	-	-	-	-	48.600.000
4	Nguyễn Quang Hùng Thành viên HĐQT		-	48.600.000	-	-	-	-	48.600.000
5	Hoàng Nam Sơn Thành viên HĐQT		-	48.600.000	-	-	-	-	48.600.000
6	Thái Văn Thắng Phó Chủ tịch HĐQT		-	48.600.000	170.000.000	-	-	-	218.600.000
7	Trương Thành Nam Thành viên HĐQT		-	48.600.000	107.000.000	-	-	-	155.600.000
8	Phạm Sĩ Huân Thành viên HĐQT		-	48.600.000	107.000.000	-	-	-	155.600.000
II	Ban kiểm soát		300.000.000	60.000.000	107.000.000	-	-	-	467.000.000
1	Phan Thị Anh Đào Trưởng BKS		300.000.000	-	107.000.000	-	-	-	407.000.000
2	Huyền Thị Long Thành viên BKS		-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000
3	Đỗ Đạt Quang Thành viên BKS		-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000
III	Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		-	60.000.000	255.000.000	2.423.561.797	204.843.507	172.160.672	3.115.565.976
1	Phạm Phong Tổng Giám đốc		-	-	-	856.718.912	145.902.936	52.074.672	1.054.696.520
2	Thái Hồng Quân Phó Tổng Giám đốc		-	-	-	65.987.644	-	10.000.000	75.987.644
3	Nguyễn Thế Duy Phó Tổng Giám đốc kinh doanh		-	60.000.000	85.000.000	501.300.230	13.851.859	32.840.000	692.992.089
4	Phan Đình Thạnh Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật		-	-	85.000.000	470.118.281	11.267.669	41.607.000	607.992.950
5	Phạm Thái Hùng Kế toán trưởng		-	-	85.000.000	529.436.730	33.821.043	35.639.000	683.896.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính



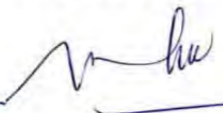
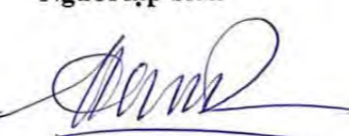
Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch, trong đó có hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội. Do đó mà tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để kiểm soát tình hình, giảm thiểu các tác động tiêu cực và đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty được ổn định.

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.

	Tổng Giám đốc  Đinh Châu Hiếu Thiện	Kế toán trưởng  Phạm Thái Hùng	Người lập biểu  Trương Ngọc Hùng
--	---	--	---

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Đà Nẵng, tháng 04 năm 2022
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA



Số 573 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng



Điện thoại: 0236.3653592 - 0236.221292



Website: www.songba.vn